



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

2

Tháng 1 - 2019

CỤC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG: 45 NĂM HÌNH THÀNH, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Lễ Kỷ niệm 45 năm Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao Huân chương Lao động hạng III cho Cục trưởng Phạm Minh Hà

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MƯƠI

2

SỐ 2 - 1/2019



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững 5
- Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước 7

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định quy định về quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh 10
- UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh 13
- UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng 15

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh là đô thị loại II 18
- Hội nghị Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn đến năm 2040 20
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại II 22
- Công trình lắp ghép kết cấu bê tông đúc sẵn tại Pháp 24
- Nghiên cứu về “công trình sinh thái” của Dubai 26

Thông tin

- Hội nghị tổng kết công tác năm 2018, triển khai nhiệm vụ 2019 của Công đoàn Xây dựng Việt Nam 30
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà thăm chúc Tết công nhân lao động 32
- Học viện AMC tổng kết công tác năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019 34
- Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng: 45 năm hình thành, xây dựng và phát triển 36
- Viện Kinh tế Xây dựng đẩy mạnh công tác tham mưu hoàn thiện thể chế pháp luật ngành Xây dựng 39
- Ban Chỉ đạo Dự án EECB họp đánh giá tiến độ và định hướng thực hiện dự án năm 2019 42
- Bộ Xây dựng đẩy mạnh cải cách hành chính trong năm 2019 43
- Kiến trúc tre của thế giới 45

Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 1659/QĐ-BXD về Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Kế hoạch này đưa ra mục tiêu phát triển ngành Xây dựng theo hướng bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, áp dụng công nghệ, sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và năng lượng, sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường... Bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và thụ hưởng bình đẳng các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị (cấp nước, thoát nước, công viên cây xanh, không gian công cộng, xử lý nước thải, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt), dịch vụ nhà ở...

Mục tiêu cụ thể:

1. Đảm bảo tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người

- Đến năm 2020, tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 90% - 95%; điều kiện cung cấp nước sạch được cải thiện, từng bước bảo đảm cấp nước an toàn; nâng cao nhận thức cộng đồng và sử dụng nước tiết kiệm;

- Đến năm 2030, tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 95% - 100%; điều kiện cung cấp nước sạch bảo đảm an ninh, an toàn.

2. Đảm bảo tiếp cận các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người

- Đến năm 2020 tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị được lập và thực hiện kế hoạch cấp

nước an toàn đạt 45%; đến năm 2025 đạt 75%; đến năm 2030 đạt 95%;

- Đến năm 2020 tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực nông thôn được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 35%; đến năm 2025 đạt 50%; đến năm 2030 đạt 75%.

3. Cải thiện chất lượng nước, 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn

- Đến năm 2020 tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đạt 15-20%; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18% đối với đô thị loại IV trở lên, dưới 25% đối với các đô thị loại V;

- Đến năm 2030 tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đạt 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với đô thị loại V trở lên; 100% nước thải nguy hại được xử lý; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15% đối với các đô thị.

4. Đảm bảo tất cả mọi người dân được tiếp cận với những dịch vụ cơ bản và dịch vụ nhà ở phù hợp, an toàn, trong khả năng chi trả; xóa bỏ các nhà ở đơn sơ, xây mới, nâng cấp, cải tạo các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng

- Đến năm 2020 hoàn thành việc kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn chịu lực và triển khai các giải pháp cải tạo nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị; từ năm 2018 đến năm 2025 phấn đấu hoàn thành khoảng 8,5 triệu m² nhà ở xã hội tại khu vực đô thị.

- Đến năm 2030 cơ bản xóa nhà ở thiếu kiên cố, đơn sơ tại khu vực đô thị (tỷ lệ dưới 0,5%);

cơ bản không còn hộ gia đình sống trong các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng và thiếu điều kiện sinh hoạt cơ bản (tỷ lệ dưới 3%).

5. Tăng cường năng lực lập quy hoạch và phát triển đô thị bao trùm và bền vững, có sự tham gia của cộng đồng; phát triển mạnh vật liệu xây dựng xanh, thân thiện với môi trường

- Đến năm 2020, hoàn thành việc rà soát các quy hoạch xây dựng, đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, các ngành, lĩnh vực theo quy định pháp luật.

- Bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật về lấy ý kiến cộng đồng trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, dự án phát triển đô thị, công tác quản lý phát triển đô thị.

6. Giảm tác động có hại của môi trường tới con người tại các đô thị, tăng cường quản lý chất lượng chất thải đô thị

7. Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận phổ cập với không gian công cộng xanh, an toàn và thân thiện cho toàn dân

- Đến năm 2030, các đô thị đảm bảo xây dựng đủ diện tích không gian cây xanh sử dụng công cộng theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng với đầy đủ tiện ích đáp ứng yêu cầu phục vụ mọi tầng lớp, mọi đối tượng trong xã hội.

8. Đến năm 2030 hoàn thành việc lồng ghép mục tiêu tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu trong quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng tích cực hướng tới sự bao trùm, hiệu quả nguồn lực, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên nhiên và các thảm họa tự nhiên khác

- Hoàn thành việc lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch chung đô thị trước năm 2020 đối với các đô thị loại IV, V; trước năm 2025 đối với các đô thị loại II, III; trước năm 2030 đối với các đô thị loại I;

- Đến năm 2030 tăng đáng kể các đô thị áp

dụng các chiến lược giảm thiểu rủi ro thiên tai phù hợp với khung quốc tế, bao gồm cả các nhóm dễ tổn thương được quan tâm trong quá trình lập, thực hiện và kiểm tra.

9. Đến năm 2030, giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải

- Đến năm 2020, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 87,5%; năm 2025 đạt 90%; năm 2030 đạt 95%. Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% so với lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom.

10. Lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật ngành Xây dựng

- Ban hành các quy chuẩn xây dựng, định mức kinh tế kỹ thuật trong vùng thường xuyên bị thiên tai, phù hợp với điều kiện gia tăng thiên tai do biến đổi khí hậu.

- Hoàn thành lồng ghép vào Quy chuẩn quy hoạch xây dựng vào cuối năm; Quy chuẩn xây dựng trong vùng thường xuyên bị thiên tai và Quy chuẩn về công trình hạ tầng kỹ thuật, số liệu điều kiện tự nhiên vào cuối năm 2020;

Một số giải pháp thực hiện:

- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các giải pháp phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, thân thiện với môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Kiểm soát quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; từng bước nâng cao chất lượng và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, thúc đẩy tăng trưởng tại các khu vực, địa bàn còn khó khăn như vùng núi, ven biển và hải đảo; nghiên cứu, thực hiện thí điểm phát triển đô thị xanh, sinh thái, kiến trúc xanh, mô hình kiến trúc, nhà ở thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng

công trình, an toàn xây dựng; tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn chịu lực và đề xuất các giải pháp cải tạo nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị; nâng cao hiệu quả công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán, kiểm tra nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác; Tập trung công tác rà soát, đánh giá, dự báo, đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách.

- Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội trọng điểm. Xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình hợp lý để huy động các nguồn lực, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội khu vực đô thị, khu công nghiệp; Quy hoạch và khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất đô thị dành cho phát triển nhà ở xã hội.

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, trong đó tập trung phát triển mạnh vật liệu xây không nung, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, vật liệu cho biển đảo.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, tích cực vận động tài trợ, huy động nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho các dự án, chương trình thuộc các lĩnh vực ưu tiên của Bộ và của nhà tài trợ phục vụ cho các mục tiêu phát triển bền vững.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-BXD hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

Nguyên tắc định giá dịch vụ thoát nước

- Việc định giá dịch vụ thoát nước phải phù hợp với quy trình kỹ thuật, công nghệ xử lý; tiêu chuẩn, quy chuẩn; định mức kinh tế kỹ thuật về thoát nước và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành; phù hợp với chất lượng dịch vụ và chế độ, chính sách của Nhà nước.

- Giá dịch vụ thoát nước được tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ của quá trình đầu tư và khai thác, vận hành của hệ thống thoát nước; phù hợp với điều kiện thực tế tổ chức dịch vụ, điều kiện hạ tầng kỹ thuật tại địa phương.

- Giá dịch vụ thoát nước có thể được xác định riêng cho từng loại dịch vụ thoát nước (dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước; dịch vụ xử lý nước thải) hoặc cho toàn bộ dịch vụ thoát nước

tùy theo nhu cầu sử dụng dịch vụ thoát nước và điều kiện tổ chức thực hiện dịch vụ thoát nước.

- Giá dịch vụ thoát nước (bao gồm cả dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước và dịch vụ xử lý nước thải) được xác định thống nhất trên đơn vị là m³ nước thải, phù hợp với đặc điểm đầu nối của hệ thống thoát nước.

Định giá dịch vụ thoát nước:

1. Giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m³ nước thải được xác định theo công thức như sau:

$$Z_{tb} = C_t / S_{Lt}$$

Trong đó:

- Z_{Tb}: là giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m³ nước thải bình quân (đồng/m³);

- C_t: là tổng chi phí dịch vụ thoát nước được xác định theo công thức:

$$C_t = C_p + C_q$$

- S_{Lt}: là tổng khối lượng nước thải được thu gom, xử lý của hệ thống thoát nước (m³).

Đối với hệ thống thoát nước chung: Tổng lượng nước thải được xử lý của hệ thống thoát nước bao gồm nước thải từ các hộ thoát nước và các loại nước khác xả vào hệ thống thoát nước. Trong đó khối lượng nước thải của các hộ thoát nước được xác định theo Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung nếu lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì lượng nước thải sẽ được tính theo đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Khuyến khích các hộ thoát nước (trừ nước thải sinh hoạt hộ gia đình) lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

Khối lượng các loại nước khác (nước mưa, nước thải khác...) được tính toán, xác định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định hiện hành. Trong đó, khối lượng nước mưa trong hệ thống thoát nước chung được xác định dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành về mức thấm thấu và lưu lượng mưa bình quân để tính toán.

2. Giá dịch vụ thoát nước được xác định theo

công thức sau:

$$GDVTN = \{ZTB + (ZTB \times P)\} (2)$$

Trong đó:

- GDVTN: là giá dịch vụ thoát nước;
- ZTB: là giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m³ nước thải bình quân;
- P: là tỷ lệ lợi nhuận định mức và không vượt quá 5% trên giá thành của dịch vụ thoát nước;

3. Giá dịch vụ xử lý nước thải do hộ thoát nước (trừ nước thải hộ gia đình) trả cho đơn vị thoát nước được xác định tại công thức (2) nhân thêm hệ số K.

Hệ số K là hệ số điều chỉnh phụ thuộc hàm lượng chất gây ô nhiễm, được xác định theo hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải (không phải là nước thải sinh hoạt) và dựa trên chỉ tiêu COD (mg/l) trung bình trong nước thải đo tại nguồn thải ra hệ thống thoát nước của từng hộ thoát nước. Hàm lượng COD được xác định căn cứ theo kết quả phân tích của phòng thí nghiệm hợp chuẩn. Hệ số K được xác định như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	151 - 200	1,5
2	201 - 300	2
3	301 - 400	2,5
4	401 - 600	3,5
5	>600	4,5

Phương pháp xác định tổng chi phí thực hiện dịch vụ thoát nước

1. Tổng chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ thực hiện dịch vụ thoát nước bao gồm:

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu
1	Chi phí vật tư trực tiếp	Cvt
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Cnc
3	Chi phí máy, thiết bị trực tiếp	Cm
4	Chi phí sản xuất chung	Csxc

8- THÔNG TIN XDCB & KHCNXD

	Tổng chi phí sản xuất	$CP = CVT + CNC + CM + CSXC$
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Cq
	Tổng chi phí	$CT = CP + Cq$

2. Nội dung từng khoản chi phí được xác định như sau:

- Chi phí vật tư trực tiếp (CVT) bao gồm chi phí của vật tư sử dụng trực tiếp để thực hiện việc duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được xác định bằng tổng khối lượng của từng loại vật tư sử dụng nhân (x) với đơn giá vật tư tương ứng. Trong đó:

+ Khối lượng vật tư sử dụng để duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành.

+ Giá vật tư là giá đến nơi thoát nước và xử lý nước thải, phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật tư sử dụng; phù hợp với mặt bằng giá thị trường xác định theo công bố giá hoặc hóa đơn theo quy định pháp luật tại thời điểm lập phương án giá.

- Chi phí nhân công trực tiếp (CNC) bao gồm các khoản chi phí bằng tiền mà các đơn vị thoát nước phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, các khoản phụ cấp khác (nếu có), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác theo quy định đối với công nhân trực tiếp xử lý nước thải và duy trì hệ thống thoát nước, trong đó:

+ Chi phí tiền lương, tiền công được xác định bằng số lượng ngày công theo định mức hao phí nhân công trực tiếp cho công tác duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành nhân (x) với đơn giá ngày công tương ứng.

+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác của công nhân trực tiếp thực hiện dịch vụ thoát nước theo quy định hiện hành của pháp luật (bao gồm cả khoản do doanh nghiệp chi trả).

- Chi phí máy, thiết bị trực tiếp (CM): Được xác định trên cơ sở chi phí liên quan đến giá máy, thiết bị, chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao máy, thiết bị theo quy định của Bộ Tài chính; phương pháp xác định giá ca máy thiết bị do Bộ Xây dựng hướng dẫn và các quy định khác có liên quan.

- Chi phí sản xuất chung (CSXC) là các khoản mục chi phí sản xuất gián tiếp phát sinh tại các cơ sở thực hiện dịch vụ thoát nước của doanh nghiệp bao gồm: khấu hao, bảo dưỡng, duy tu sửa chữa tài sản cố định (không bao gồm máy, thiết bị trực tiếp); chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ dùng cho phân xưởng; tiền lương, tiền công, phụ cấp có tính chất lương; khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của cán bộ, nhân viên phân xưởng (bao gồm cả khoản do doanh nghiệp chi trả); chi phí xử lý bùn thải và chi phí duy trì thảm cỏ cây xanh trong khuôn viên nhà máy xử lý nước thải (nếu có); chi phí kiểm nghiệm nước xả thải trước và sau khi xử lý, hệ thống xả thải, chi phí dịch vụ thuê, mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác được tính vào giá thành theo quy định của pháp luật.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Đối với những tài sản cố định như các bộ phận công trình của hệ thống thoát nước đã đầu tư từ

lâu, không xác định được chi phí đầu tư thì đơn vị lập phương án giá dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước, xử lý nước thải căn cứ quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định để xác định giá trị nguyên giá còn lại hợp lý làm cơ sở xác định chi phí khấu hao.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp (Cq) là tổng các chi phí chi cho bộ máy quản lý và điều hành doanh nghiệp của đơn vị thoát nước, các khoản chi phí có tính chất chung của toàn doanh nghiệp bao gồm: khấu hao, sửa chữa tài sản cố định phục vụ bộ máy quản lý và điều hành trong doanh nghiệp; chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của bộ máy quản lý doanh nghiệp (bao gồm cả khoản do doanh nghiệp chi trả); chi phí vật liệu, đồ dùng cho văn phòng, các khoản thuế, phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài thuộc văn phòng doanh nghiệp; các chi phí quản lý chung khác cho toàn doanh nghiệp như: chi trả lãi vay, các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi phí tiếp tân, giao dịch, chi phí nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ, chi sáng kiến, cải tiến, chi

bảo vệ môi trường, chi phí giáo dục, đào tạo, y tế cho người lao động của doanh nghiệp, chi phí cho lao động nữ, các khoản chi phí quản lý khác theo chế độ quy định hiện hành.

3. Khi xác định tổng chi phí thực hiện dịch vụ thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện tính đúng, tính đủ các chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ; không tính các khoản chi phí không được tính vào tổng chi phí thực hiện dịch vụ thoát nước theo quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Bộ Tài chính ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp các công tác chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật để xác định hao phí vật tư, nhân công, máy, thiết bị trực tiếp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc ban hành, đơn vị lập phương án giá tổ chức xác định hao phí vật tư, nhân công, máy, thiết bị hợp lý trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt làm cơ sở để xác định chi phí vật tư, nhân công, máy, thiết bị trực tiếp khi lập phương án giá dịch vụ thoát nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định quy định về quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND quy định về quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

Nguyên tắc xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

- Khi lựa chọn địa điểm nghĩa trang và cơ sở

hỏa táng phải nghiên cứu khả năng phục vụ cho liên vùng, liên đô thị.

- Nghĩa trang xây dựng mới phải bố trí nằm ngoài đô thị, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị hoặc khu dân cư nông thôn, không ảnh hưởng đến môi trường dân cư xung quanh, không ảnh hưởng đến nguồn nước cấp cho sinh

hoạt; nghĩa trang và cơ sở hỏa táng phải đặt ở cuối hướng gió so với khu dân cư.

- Trường hợp đặc biệt được xem xét chấp thuận chôn cất trong khuôn viên nhà thờ, nhà chùa, thánh thất tôn giáo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Không nằm trong khu vực nội thị thành phố, thị xã, thị trấn, khu đông dân cư.

+ Trường hợp nhà thờ, nhà chùa, thánh thất tôn giáo,... nằm ngoài khu vực nội thị thành phố, thị xã, thị trấn, khu đông dân cư thì có thể xem xét chấp thuận khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về xử lý môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 23/2016/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành khác.

- Hoạt động quản lý, xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

- Các nguyên tắc khác thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP .

Quy hoạch, xây dựng, quản lý, cải tạo, đóng cửa, di chuyển nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

1. Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh

- Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh nhằm cụ thể hóa nội dung định hướng quy hoạch nghĩa trang trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh. Trình tự, thủ tục về lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh tuân theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

2. Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

- Nhiệm vụ, nội dung, hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng thực hiện theo khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 8 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

3. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng nghĩa trang

a) Các khu chức năng chủ yếu: Khu hungr táng (hình thức mai táng thi hài trong một khoảng thời gian nhất định sau đó sẽ cải táng);

khu chôn cất một lần; khu cải táng.

b) Các công trình chức năng: Khu văn phòng làm việc, nhà kho, nhà chờ, thường trực, kiốt bán hàng, khu vệ sinh; khu dành cho các hoạt động tưởng niệm, thờ cúng; khu tổ chức lễ tang (nơi tổ chức lễ tang trước khi chôn cất hoặc hỏa táng); khu kỹ thuật (khu rửa hài cốt, khu bảo quản thi hài); khu để tiểu cốt, tro cốt (nơi để các tiểu cốt sau cải táng và lọ tro cốt sau khi hỏa táng thi hài); hạ tầng kỹ thuật (cống, hàng rào, sân, đường, bãi đỗ xe, cấp nước, thu gom chất thải rắn, thu gom và xử lý nước thải, nước thấm từ các mộ hungr táng, chiếu sáng, cây xanh, mặt nước, tiểu cảnh,...

c) Tỷ lệ sử dụng đất (tính trên tổng diện tích đất) nghĩa trang: Diện tích khu mai táng tối đa là 60%; các công trình chức năng và hạ tầng kỹ thuật tối thiểu là 40%; diện tích cây xanh tối thiểu 25% ; giao thông tối thiểu 10%.

d) Diện tích sử dụng đất và kích thước cho từng loại mộ:

- Mộ hungr táng và chôn cất một lần diện tích đất tối đa là 5m²/mộ, kích thước mộ (dài x rộng x cao): 2,4m x 1,4m x 0,8m, kích thước huyệt mộ (dài x rộng x cao): 2,2m x 0,9m x 1,5m;

- Mộ cải táng và mộ chôn cất lọ tro cốt sau hỏa táng diện tích đất tối đa là 3m²/mộ, kích thước mộ (dài x rộng x cao): 1,5m x 1,0m x 0,8m, kích thước huyệt mộ (dài x rộng x cao): 1,2m x 0,8m x 0,8m.

e) Kiến trúc phần mộ phải được quy định thống nhất về kích thước chiều dài, chiều rộng, chiều cao và khoảng cách giữa các phần mộ. Các kích thước này phải được tuân thủ nghiêm ngặt, khống chế để đảm bảo tính đồng bộ

f) Chiều rộng lối đi trong nghĩa trang: Trục giao thông chính (đường phân khu) tối thiểu là 7m; đường giữa các lô mộ (đường phân lô) tối thiểu là 3,5m; lối đi bên trong các lô mộ (đường phân nhóm) tối thiểu là 1,2m; khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ liên tiếp tối thiểu là 0,8m; khoảng cách giữa 02 mộ liên tiếp cùng hàng tối thiểu là 0,6m.

g) Thu gom và xử lý chất thải

- Chất thải rắn:

+ Trong nghĩa trang phải đặt các thùng rác công cộng, điểm tập kết chất thải rắn phát sinh, chất thải rắn phải được thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý bảo đảm môi trường.

+ Các chất thải có liên quan đến người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm hoặc thi hài đã bị thối rữa phải được xử lý theo quy định của Bộ Y tế về xử lý chất thải y tế lây nhiễm.

- Nước thải

+ Nghĩa trang phải có hệ thống thoát nước riêng cho nước mặt, nước thải, nước thấm từ huyết mộ. Hệ thống thoát nước phải tính đến điều kiện biến đổi khí hậu (do ngập lụt, triều cường, nước biển dâng). Phải có giải pháp kỹ thuật chống thấm và thu gom nước thấm từ các mộ hung táng để xử lý tập trung hợp vệ sinh trước khi thải xả ra môi trường.

4. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng cơ sở hỏa táng

a. Khu chức năng chủ yếu: Văn phòng làm việc, kho, phòng khách, khu vệ sinh; phòng chờ, khu tổ chức tang lễ, phòng lạnh bảo quản thi hài; lò hỏa táng và nơi lưu cốt.

b. Các công trình chức năng: cổng, hàng rào, đường, sân, bãi đỗ xe, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chiếu sáng, thu gom chất thải rắn, cây xanh, mặt nước, tiểu cảnh,...

c. Tỷ lệ sử dụng đất (tính trên tổng diện tích đất) cơ sở hỏa táng: Khu văn phòng tối đa là 10%; khu lễ tang và hỏa táng tối đa là 30%; nhà lưu cốt tối đa là 25%; hạ tầng kỹ thuật tối thiểu là 35% (trong đó diện tích cây xanh tối thiểu 20%, giao thông tối thiểu 10%).

d. Thu gom và xử lý chất thải:

- Khí thải: Lò hỏa táng phải có hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường đảm bảo quy chuẩn quy định. Chiều cao tối thiểu của ống khói là 20,0m tính từ cao độ nền xây dựng, ống khói phải có cửa lấy mẫu khí thải phục vụ công tác kiểm tra khí thải định kỳ.

- Chất thải rắn: Chất thải rắn phải được thu

gom, vận chuyển đến nơi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường. Tro xỉ, bụi, bùn thải và các chất thải rắn khác phát sinh trong quá trình vận hành lò hỏa táng phải được phân loại theo quy định để có biện pháp quản lý phù hợp.

- Nước thải: Hệ thống nước mặt, nước thải phải được thu gom, xử lý đạt yêu cầu về vệ sinh môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải phải thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

5. Xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

a. Xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải tuân thủ theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật.

b. Xây dựng mộ, bia mộ, nhà lưu tro cốt và các công trình trong nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Cải tạo nghĩa trang

a. Nghĩa trang được cải tạo khi còn phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh nhưng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan, môi trường chưa phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

7. Đóng cửa nghĩa trang

- Đóng cửa nghĩa trang khi không còn diện tích sử dụng, gây ô nhiễm môi trường và theo quy hoạch xây dựng hoặc theo quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh.

8. Quản lý, sử dụng nghĩa trang

- Nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước phải dành tối thiểu 20% diện tích đất mai táng đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt, để phục vụ cho các đối tượng chính sách xã hội khi chết trên địa bàn. Trường hợp địa phương không cần sử dụng quỹ đất này thì chủ đầu tư nghĩa trang đề xuất UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

9. Quy chế quản lý nghĩa trang

a. Các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng nghĩa trang có trách nhiệm lập quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang do mình quản lý. Nội dung quy chế quản lý nghĩa trang thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP .

b. Thẩm quyền phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang:

- Đối với nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước:

+ Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang cấp I, nghĩa trang cấp II, nghĩa trang cấp III và cấp IV thuộc địa giới hành chính từ 02 huyện.

- Đối với nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước thì tổ

chức, cá nhân phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang do mình đầu tư xây dựng. Quy chế quản lý nghĩa trang sau khi được phê duyệt phải gửi báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng và UBND cấp huyện nơi có nghĩa trang được đầu tư xây dựng để thống nhất quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

c. Các nghĩa trang được xây dựng mới, quy chế quản lý nghĩa trang phải được lập và phê duyệt trước khi đưa nghĩa trang vào khai thác, sử dụng. Đối với các nghĩa trang hiện hữu nếu chưa có quy chế quản lý nghĩa trang thì phải tiến hành lập và trình phê duyệt theo đúng quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.camau.gov.vn)

UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh

UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 54/2018/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

Nguyên tắc phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu

- Việc phối hợp phải kịp thời đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất và thường xuyên.

- Thông tin, dữ liệu cung cấp phải đầy đủ, chính xác, đúng theo biểu mẫu và thời hạn quy định trong Quy chế.

- Không được lợi dụng việc cung cấp thông tin để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin

trái với quy định của pháp luật.

Việc trao đổi, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu

- Lãnh đạo của cơ quan hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường BĐS theo quy định và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin, dữ liệu do cơ quan mình cung cấp.

- Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm cử người phụ trách báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng:

- Sở Xây dựng tiếp nhận các thông tin, dữ liệu do các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp theo Quy chế này để tích hợp vào cơ

sở dữ liệu về nhà ở và thị trường BĐS.

Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Sàn giao dịch BĐS; Tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới BĐS; Tổ chức hành nghề công chứng; Công ty, tổ chức bán đấu giá tài sản và cá nhân hành nghề môi giới BĐS:

- Định kỳ hàng tháng cung cấp các thông tin, dữ liệu về tình hình giao dịch BĐS: Thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch BĐS đối với căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền để ở, văn phòng, mặt bằng thương mại,... theo Biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

2. Chủ đầu tư dự án BĐS

- Định kỳ hàng tháng cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình giao dịch BĐS tại các dự án phát triển nhà ở; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp; dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dự án trung tâm thương mại... theo biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

- Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình triển khai đầu tư xây dựng các dự án phát triển nhà ở; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới;... theo biểu mẫu số 8a, 8b, 8c, 8d ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

- Báo cáo thông tin về dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp; dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng theo Biểu mẫu số 7a, 7b, 7c, 7d ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

3. Sở Tư pháp

- Định kỳ hàng tháng cung cấp thông tin, dữ

liệu về lượng giao dịch BĐS để bán qua công chứng, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng đối với căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, văn phòng cho thuê,... theo Biểu mẫu số 6 ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Định kỳ hàng tháng cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tại các huyện, thành phố đối với đất nền, nhà ở riêng lẻ căn hộ chung cư theo Biểu mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

- Định kỳ 6 tháng cung cấp thông tin, dữ liệu về cơ cấu sử dụng đất ở theo quy hoạch và cơ cấu sử dụng đất ở đã triển khai thực hiện đầu tư xây dựng tại các huyện, thành phố theo Biểu mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

Hình thức cung cấp thông tin, dữ liệu

- Gửi thông tin, dữ liệu bằng văn bản và văn bản đó phải được xác nhận của người có thẩm quyền của đơn vị (đóng dấu đỏ hoặc sử dụng chữ ký số) kèm tệp dữ liệu. Riêng các thông tin được cung cấp theo biểu mẫu quy định thì tệp dữ liệu theo dạng dữ liệu excel.

- Gửi thông tin, dữ liệu qua Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường BĐS tại địa chỉ <http://batdongsan.xaydung.gov.vn>

- Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án BĐS.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.camau.gov.vn)

UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Nguyên tắc cấp giấy phép xây dựng

- Phù hợp điều kiện cấp Giấy phép xây dựng được quy định tại Điều 91, Điều 92, Điều 93 của Luật Xây dựng năm 2014.

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng trong đô thị tại khu vực chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị thì điều kiện cấp Giấy phép xây dựng áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Cơ quan cấp giấy phép xây dựng đánh giá công trình đủ điều kiện cấp phép xây dựng căn cứ trên ý kiến kết luận của các cơ quan có thẩm quyền tại các văn bản trong hồ sơ.

- Công trình được cấp phép xây dựng trên cơ sở đối chiếu với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đã được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch phê duyệt.

- Đối với các công trình, dự án vi phạm trật tự xây dựng thì việc xử lý vi phạm và cấp giấy phép xây dựng công trình, dự án thực hiện theo đúng phân cấp và đúng quy định của pháp luật. Trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

- Trường hợp công trình đề nghị cấp giấy phép cải tạo, sửa chữa: Đối với công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng, khi cải tạo, sửa chữa thì

cơ quan cấp giấy phép xây dựng chỉ giải quyết khi công trình xây dựng đã được tổ chức có đủ điều kiện năng lực theo quy định đánh giá, kiểm định chất lượng công trình làm cơ sở thiết kế cải tạo, sửa chữa công trình.

Thẩm quyền cấp và phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng sau đây:

- Công trình cấp I, cấp II

- Công trình tôn giáo.

- Công trình di tích lịch sử - văn hóa; công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng.

- Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Công trình xây dựng nằm trên địa bàn từ hai (02) quận, huyện trở lên.

- Công trình xây dựng nằm trong cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Công trình xây dựng nằm trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông.

- Công trình xây dựng thuộc Danh mục nhà có giá trị lịch sử, kiến trúc, văn hóa phải bảo tồn được UBND thành phố ban hành.

2. UBND các quận, huyện cấp giấy phép xây dựng các công trình cấp III; công trình xây dựng cấp IV; Nhà ở riêng lẻ ở đô thị, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được Nhà nước công nhận bảo tồn, trừ các đối tượng quy định ở trên.

3. Ban quản lý Khu Công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng cấp giấy phép xây dựng cho các công trình thuộc phạm vi quản lý của đơn vị theo đúng quy định

Hồ sơ cấp giấy phép xây dựng

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo từng trường hợp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

2. Tùy thuộc quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình, điều kiện cấp giấy phép xây dựng, hồ sơ cấp giấy phép xây dựng cần phải có các tài liệu khác theo quy định của pháp luật liên quan.

- Công trình tượng đài, tranh hoành tráng: Phải có văn bản chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với các công trình quy định tại Khoản 2, Điều 27 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật; Văn bản chấp thuận của Sở Văn hóa và Thể thao đối với các công trình còn lại.

- Công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh khi tiến hành sửa chữa, cải tạo công trình: Phải có văn bản chấp thuận của Sở Văn hóa và Thể thao đối với di tích cấp thành phố; Văn bản chấp thuận của Cục Di sản văn hóa thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt theo quy định của Luật Di sản văn hóa và Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Công trình xây dựng trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông: trước khi đề nghị cấp giấy phép xây dựng, một số thủ tục liên quan thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trình tự thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều.

- Công trình quy định tại phụ lục II, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng hết thời hạn sử dụng theo quy định mà có nhu cầu

sử dụng tiếp khi thực hiện cải tạo, sửa chữa: Phải có kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, hạng mục công trình theo quy định.

- Công trình xây dựng có ảnh hưởng đến công trình quốc phòng và khu quân sự: trước khi đề nghị cấp giấy phép xây dựng, một số thủ tục liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (ban hành kèm theo Nghị định số 04/CP ngày 16/01/1995 của Chính phủ).

- Công trình hạ tầng giao thông đấu nối với Quốc lộ: Phải có văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đấu nối đường ra vào công trình vào Quốc lộ theo quy định tại Thông tư số: 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số: 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 sửa đổi một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Các giấy tờ, tài liệu chứng minh công trình đáp ứng được các điều kiện cấp giấy phép xây dựng quy định tại Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Luật Xây dựng 2014; một số trường hợp cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận chủ đầu tư đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án, công trình thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường, đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số

18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Kết quả thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng quy định tại Điều 15 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

4. Các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất: Thực hiện theo Nghị định 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong điều này có sự thay đổi bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Giấy phép xây dựng có thời hạn

Thực hiện theo Điều 94 Luật xây dựng 2014 và Điều 14 Thông tư 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.dannang.gov.vn)

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh là đô thị loại II

Ngày 16/1/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh là đô thị loại II. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành TƯ, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành và các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng. Đại diện địa phương có ông Đặng Quốc Khánh - Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh, lãnh đạo UBND TP Hà Tĩnh, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh.

Tỉnh Hà Tĩnh có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế xã hội của khu vực Bắc miền Trung. Thành phố Hà Tĩnh là trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Hà Tĩnh, là một trong 13 đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh (Hà Tĩnh hiện có 01 thành phố Hà Tĩnh; 02 thị xã là Hồng Lĩnh và Kỳ Anh và 10 huyện). Thành phố Hà Tĩnh nằm trên trục Quốc lộ 1 cách thủ đô Hà Nội 340km, cách TP Vinh 50km về phía Bắc, cách TP Huế 314km về phía Nam và cách biển Đông 12,5km.

Theo Đề án, thành phố Hà Tĩnh là đô thị hạt nhân chính yếu trong phát triển kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh, giữ vị trí quan trọng trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có mối quan hệ với vùng kinh tế phía Bắc và phía Nam, tiểu vùng Mê Kông mở rộng, Tam giác phát triển kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia và vùng Đông Bắc Thái Lan thông qua hành lang kinh tế Đông - Tây, Quốc lộ 8 và Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, có nhiều lợi thế trong mối quan hệ ngoại vùng. Với lợi thế tự nhiên, cùng với vị thế là thủ phủ tỉnh Hà Tĩnh, có Khu kinh tế Vũng Áng, Cảng nước sâu Sơn Dương, Cảng Vũng Áng, Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, Khu công nghiệp Gia Lách, Khu du lịch biển Thiên Cầm... đã mang lại cho



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu kết luận Hội nghị

thành phố Hà Tĩnh những tiềm năng, lợi thế để phát triển thương mại, dịch vụ, hạ tầng đô thị, du lịch, là nguồn lực to lớn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Thành phố Hà Tĩnh được công nhận là đô thị loại III vào năm 2006 theo Quyết định số 1048/QĐ-BXD ngày 19/7/2006; công nhận là thành phố năm 2007 theo Nghị quyết số 89/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ.

Theo báo cáo thẩm định Đề án của Cục Phát triển đô thị, thành phố Hà Tĩnh không nằm trong danh mục nâng loại lên đô thị loại II vào giai đoạn 2012 - 2020 theo Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020. Tuy nhiên, tại Báo cáo số 19/BC-BXD ngày 9/4/2015 của Bộ Xây dựng, thành phố Hà Tĩnh được bổ sung vào danh sách các đô thị được nâng loại đô thị lên loại II vào giai đoạn 2016 - 2020 và danh mục này đã được Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đồng ý theo Văn bản số 2803/VPCP-KTN ngày 22/4/2015 của Văn phòng Chính phủ.

Tại Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn 2050 đã



Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh Đặng Quốc Khánh phát biểu tại Hội nghị

xác định “phần đầu đến năm 2020 thành phố Hà Tĩnh trở thành đô thị loại II” .

Sau khi được công nhận là đô thị loại III, thành phố Hà Tĩnh đã tập trung phát triển kinh tế đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng để đáp ứng các tiêu chí của đô thị loại II, bộ mặt đô thị có nhiều chuyển biến, thay đổi vượt bậc, đời sống của nhân dân được nâng cao mọi mặt. Tính riêng năm 2017, tổng giá trị sản xuất các ngành đạt trên 12.600 tỷ đồng (năm 2018 ước đạt trên 14.450 tỷ đồng); tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 10,7%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng kinh tế đô thị, tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ 61,59%, công nghiệp - xây dựng đạt 36,34%, nông nghiệp - thủy sản còn 1,87%. Năm 2018, Hà Tĩnh đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 20,8%, cao nhất cả nước; thu nhập bình quân đầu người cao gấp 1,44 lần so với cả nước; Hà Tĩnh cũng đã huy động được 28 nghìn tỷ đồng từ nguồn vốn xã hội hóa để xây dựng nông thôn mới. Đây là những con số hết sức ấn tượng, được các thành viên Hội đồng đánh giá rất cao.

Tại Hội nghị, hai báo cáo phản biện của đại diện Vụ chính quyền địa phương Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng cùng ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá cao Đề án và đều thống nhất, đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại II quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị, thành phố Hà Tĩnh đã cơ bản



Toàn cảnh Hội nghị

hội tụ đủ các điều kiện cần thiết để nâng lên đô thị loại II trực thuộc tỉnh. Ngoài ra, các ý kiến góp ý bổ sung cho Đề án về các tiêu chuẩn còn yếu và thiếu và đề nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh, thành phố Hà Tĩnh cần xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để khắc phục các tiêu chuẩn này, đặc biệt các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội đô thị.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đánh giá cao tỉnh Hà Tĩnh đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch rất bài bản về phát triển đô thị Hà Tĩnh và vùng phụ cận ngay sau khi có ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đồng ý theo Văn bản số 2803/VPCP-KTN ngày 22/4/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc thành phố Hà Tĩnh được bổ sung vào danh sách các đô thị được nâng loại đô thị lên loại II vào giai đoạn 2016 - 2020. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh lưu ý Quy hoạch chung thành phố Hà Tĩnh được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 3926/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 trong đó phạm vi quy hoạch gồm thành phố Hà Tĩnh hiện hữu và 22 xã trong đó tổng diện tích đất quy hoạch là 30.916 ha (gấp 05 lần diện tích thành phố Hà Tĩnh hiện hữu). Vì vậy, trong thời gian tới đây, đề nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh cần chỉ đạo các cơ quan hữu quan xây dựng kế hoạch cụ thể đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho thành phố Hà Tĩnh có trọng tâm, trọng điểm hướng tới phát triển bền vững cho thành phố; trong đó cần chú trọng đến sử dụng nguồn lực về đất đai, tránh

dân trải lãng phí tài nguyên đất. Đặc biệt sự phát triển đô thị của thành phố Hà Tĩnh sẽ có vai trò thúc đẩy phát triển đô thị của chuỗi đô thị khu vực Bắc Trung Bộ và phát triển đô thị trên chuỗi hành lang Đông Tây kết nối với nước bạn Lào. Trong tương lai vai trò của thành phố Hà Tĩnh là rất lớn, đây sẽ là đô thị cấp vùng chứ không chỉ là trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh bày tỏ mong muốn lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh quan tâm hơn nữa

để thành phố Hà Tĩnh có những công trình tầm cỡ, để thành phố Hà Tĩnh mang diện mạo, tầm vóc mới trong tương lai.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị của Bộ Xây dựng đã nhất trí thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh là đô thị loại II, với điểm số là 86,62 điểm.

Ninh Hoàng Hạnh

Hội nghị Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn đến năm 2040

Ngày 23/1/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000 (Nhiệm vụ). Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc Trần Thu Hằng - Chủ tịch Hội đồng chủ trì Hội nghị.

Trình bày trước Hội đồng nội dung báo cáo thuyết minh tóm tắt Nhiệm vụ, đại diện đơn vị tư vấn - Viện Quy hoạch và đô thị nông thôn quốc gia cho biết, phạm vi nghiên cứu trực tiếp của quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000 là 12.330ha, phạm vi nghiên cứu gián tiếp là toàn bộ huyện Lộc Bình, huyện Cao Lộc và thành phố Lạng Sơn, thời hạn quy hoạch ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2040.

Mục tiêu của quy hoạch nhằm cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn đến năm 2030 và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt, phát triển Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn với sản phẩm đặc trưng là du lịch nghỉ dưỡng núi, du lịch văn hóa tâm linh và du lịch sinh thái vùng Trung du miền núi phía Bắc, đồng thời định hướng tổ chức không gian, quy hoạch sử

dụng đất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, hạ tầng xã hội và làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng và kiểm soát phát triển Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn theo quy hoạch, tạo điều kiện triển khai các bước tiếp theo.

Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn được quy hoạch với tính chất là khu du lịch quốc gia gắn với các di tích lịch sử và thắng cảnh cần được bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị và là khu du lịch được đầu tư xây dựng đồng bộ với các khu chức năng vui chơi giải trí tổng hợp: Văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, thể thao, dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp, nghiên cứu khoa học... phù hợp với yêu cầu phát triển tỉnh Lạng Sơn.

Định hướng phát triển quy hoạch du lịch Mẫu Sơn theo Quy định 240/QĐ-TTg tập trung khai thác thị trường du lịch nội địa đến từ Hà Nội, khách nội tỉnh và các tỉnh vùng Đông Bắc, Trung du miền núi phía Bắc, tập trung vào phân khúc thị trường khách du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và thể thao mạo hiểm. Bên cạnh đó, khai thác thị trường khách du lịch quốc tế từ các cửa khẩu quốc tế, đẩy mạnh hút thị trường khách từ các nước Tây Âu, Bắc Mỹ, Úc và Nhật Bản... đi vào phân khúc thị trường khách du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tìm

hiểu bản sắc văn hóa.

Định hướng phát triển không gian Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn đảm bảo kết nối liên thông các khu vực chức năng để các hoạt động được liên tục. Bố cục không gian kiến trúc cảnh quan theo từng khu vực chức năng, theo các trục không gian, tổ chức không gian cho cảnh quan tổng thể gắn kết với cảnh quan khu vực, các khu trung tâm, các trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian cây xanh, mặt nước và điểm nhấn, khai thác hiệu quả các khu vực mặt nước tự nhiên cũng như nhân tạo, khu trũng, các điểm cao có tầm nhìn đẹp, hạn chế được ảnh hưởng việc chia cắt địa hình, chức năng sử dụng đất đến với các khu vực dịch vụ du lịch.

Nguyên tắc thiết kế trong quy hoạch được xác định hạn chế tác động đến địa hình tự nhiên, môi trường và sinh thái rừng, định hướng không làm thay đổi lớn đến địa hình tự nhiên. Trong trường hợp cần san lấp để xây dựng công trình thì chỉ san lấp cục bộ tại vị trí cần xây dựng công trình. Nhiệm vụ yêu cầu nghiên cứu hướng phát triển không gian hợp lý, hấp dẫn với đa dạng loại hình và có bản sắc đặc trưng, đảm bảo yếu tố thẩm mỹ, hài hòa với cảnh quan khu vực và tiềm năng sử dụng đất đai, tạo các sản phẩm du lịch đa dạng có sức hút du khách làm nổi bật vị thế và thương hiệu Mẫu Sơn.

Về định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, Nhiệm vụ yêu cầu quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường đáp ứng các hoạt động du lịch bền vững, dân sinh, các hoạt động kinh tế xã hội phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế, đảm bảo môi trường cảnh quan; đồng thời quy hoạch hệ thống giao thông đối ngoại trên cơ sở tuyến QL 4B, TL 235, phát triển hệ thống giao thông đảm bảo liên kết giữa các phân khu, ưu tiên loại hình giao thông thân thiện với môi trường, cụ thể hóa hướng tuyến



Toàn cảnh Hội nghị

cáp treo đã được xác định trong quy hoạch du lịch, các bãi đỗ xe.

Về quy hoạch cao độ nền xây dựng, thoát nước mưa, Nhiệm vụ yêu cầu đánh giá về địa hình, các biến động địa chất, xác định khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng, xác định lưu vực, phân lưu và hướng thoát nước chính, vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước, xác định cao độ nền xây dựng trên cơ sở xem xét đến biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.

Đối với quy hoạch cấp nước, Nhiệm vụ yêu cầu phân tích đánh giá tài nguyên nước ngầm và nước mặt Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn để đề xuất các giải pháp cấp nước và bảo vệ nguồn nước, xác định tiêu chuẩn và nhu cầu sử dụng nước, dự kiến nguồn cấp, công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật về cấp nước.

Để nâng cao chất lượng Nhiệm vụ, các chuyên gia thành viên Hội đồng Thẩm định Bộ Xây dựng đã đưa ra những ý kiến nhận xét, góp ý trên các lĩnh vực như: Văn hóa, du lịch, đầu tư, công thương, tài nguyên môi trường, quốc phòng an ninh... để đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện Báo cáo thuyết minh.

Kết thúc Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng Trần Thu Hằng yêu cầu đơn vị tư vấn trình bày rõ những định hướng phát triển không gian Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, xác định cụ thể những

khu vực tiềm năng khai thác, sử dụng đất, hạn chế chuyển đổi đất rừng, phân tích đầy đủ, kỹ lưỡng các yếu tố di sản văn hóa trong phạm vi lập quy hoạch, đảm bảo tính khả thi và kế thừa những ưu điểm của các quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước đó.

Chủ tịch Hội đồng Trần Thu Hằng đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của

các chuyên gia thành viên Hội đồng Thẩm định Bộ Xây dựng, sớm bổ sung, chỉnh sửa để hoàn chỉnh Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ, trình UBND tỉnh Lạng Sơn xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trần Đình Hà

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại II

Ngày 23/1/2019 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại II. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành TƯ, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành và các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng. Đại diện địa phương có ông Hồ Tiến Thiệu - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn cũng lãnh đạo Thành ủy, UBND, HĐND TP Lạng Sơn, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn.

Tỉnh Lạng Sơn là một tỉnh địa đầu Tổ quốc, nằm ở cửa ngõ Đông Bắc, là điểm đầu của Quốc lộ 1A, con đường huyết mạch nối Việt Nam với Trung Quốc, đồng thời cũng là con đường quan trọng nối Trung Quốc với các nước ASEAN. Với vị trí địa lý thuận lợi về kinh tế và quan trọng về an ninh - quốc phòng, tỉnh Lạng Sơn trở thành đầu mối quan trọng trong giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội và hợp tác kinh tế quốc tế. Tỉnh Lạng Sơn có 02 cửa khẩu quốc tế (cửa khẩu quốc tế đường bộ Hữu Nghị và cửa khẩu quốc tế đường sắt Ga Đồng Đăng), 01 cửa khẩu chính Chi Ma và 09 cửa khẩu phụ (Nà Nưa, Bình Nghi, Na Hình, Tân Thanh, Cốc Nam, Pò Nhùng, Co Sâu, Nà Căng, Bản Chắt). Ngoài ra tỉnh Lạng Sơn còn có rất nhiều các



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị

cửa khẩu tiểu ngạch và chợ đường biên. Trong xu thế hội nhập thế giới và khu vực, tỉnh Lạng Sơn được coi là một trong những cửa ngõ giao lưu của Việt Nam với khu vực và thế giới.

Thành phố Lạng Sơn là trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Lạng Sơn, cách thủ đô Hà Nội 154 km, cách biên giới Việt Trung 18 km; nằm trên trục đường quốc lộ 1A, đường sắt liên vận quốc tế Việt Nam - Trung Quốc, đường quốc lộ 1B đi Thái Nguyên, đường quốc lộ 4B đi Quảng Ninh, đường quốc lộ 4A đi Cao Bằng. Thành phố Lạng Sơn là một cực của Tứ giác kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh). Bên cạnh thuận lợi về giao thông, thành phố Lạng Sơn còn có nhiều di tích, danh thắng được công nhận là di tích cấp quốc gia, có điều kiện thuận lợi phát triển du lịch tâm linh, du lịch cảnh quan, du lịch nước ngoài kết hợp



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn Hồ Tiến Thiệu phát biểu tại HN



Toàn cảnh Hội nghị

mua sắm, thu hút lượng lớn khách thường xuyên đi qua và lưu trú tại thành phố.

Thành phố Lạng Sơn được công nhận là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Lạng Sơn vào năm 2000 theo Quyết định số 997/QĐ-BXD ngày 18/7/2000.

Ngày 17 tháng 10 năm 2002, Chính phủ đã có Nghị định số 82/2002/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Lạng Sơn thuộc tỉnh Lạng Sơn, trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số thị xã Lạng Sơn gồm 05 phường (Hoàng Văn Thụ, Tam Thanh, Vĩnh Trại, Đông Kinh, Chi Lăng) và 03 xã (Hoàng Đồng, Mai Pha, Quảng Lạc).

Theo Đề án, phạm vi và quy mô xét đánh giá nâng loại cho đô thị Lạng Sơn khoảng 7.793, 75 ha, gồm 08 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 05 phường và 03 xã như hiện tại. Dân số toàn thành phố Lạng Sơn tính đến 31/12/2017 là 200.108 người.

Sau khi được công nhận là đô thị loại III, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân thành phố Lạng Sơn đã tích cực phấn đấu, khai thác những tiềm năng, lợi thế và huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bộ mặt đô thị có nhiều thay đổi tích cực, đời sống của nhân dân được nâng cao. Bằng nhiều nỗ lực thu hút đầu tư và phát triển các lĩnh vực du lịch - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, phát triển các khu đô thị mới..., thành phố Lạng Sơn đã có những bước phát triển vượt trội, đặc biệt là sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp,

tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại. Trong 3 năm (2015 - 2017), tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố Lạng Sơn đạt 8,82%. Năm 2017, tổng thu nhập bình quân đầu người đạt 78,12 triệu đồng/người/năm, gấp 1,46 lần so với cả nước.

Tại Hội nghị, ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và hai báo cáo phản biện của đại diện Bộ Nội vụ và Bộ Xây dựng nhận xét, thành phố Lạng Sơn có nhiều tiêu chuẩn đạt điểm tối đa hoặc đạt mức yêu cầu của đô thị loại II. Thành phố đã có hệ thống hạ tầng khung gồm đường giao thông, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, các công trình thể dục thể thao, công trình thương mại dịch vụ tương đối đầy đủ. Các thành viên Hội đồng thống nhất, thành phố Lạng Sơn đã cơ bản hội tụ đủ các điều kiện cần thiết để nâng lên đô thị loại II trực thuộc tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh tổng hợp các ý kiến đóng góp cho Đề án tại Hội nghị và nhấn mạnh vị trí quan trọng của thành phố Lạng Sơn là đô thị có vị trí chiến lược về kinh tế, thương mại, du lịch, dịch vụ, vận tải quá cảnh và an ninh quốc phòng. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng tiếp tục phối hợp với tỉnh và thành phố Lạng Sơn để rà soát

lại toàn bộ các số liệu về diện tích, dân số, một số chỉ tiêu trong đề án, đồng thời hoàn thiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn để có cơ sở thực hiện.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị của Bộ

Xây dựng đã nhất trí thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại II.

Ninh Hoàng Hạnh

Công trình lắp ghép kết cấu bê tông đúc sẵn tại Pháp

Công trình lắp ghép tại Pháp chủ yếu sử dụng kết cấu bê tông dự ứng lực đúc sẵn. Kết cấu bê tông dự ứng lực nghĩa là trước khi kết cấu chịu tải trọng, người ta tạo ứng suất cho phần kết cấu, khiến nội lực bê tông trong vùng chịu kéo của kết cấu khi chịu tác dụng từ tải trọng bên ngoài sản sinh ứng lực nén (ứng suất nén), dùng để vô hiệu hóa hoặc giảm ứng lực kéo (ứng suất kéo) do tải trọng ngoài, khiến kết cấu trong điều kiện sử dụng thông thường không sản sinh khe nứt hoặc nứt khá muộn. Hệ thống kết cấu khung lắp ghép bê tông có tỷ lệ lắp ghép có thể đạt tới 80%.

Năm 1891, Công ty Ed.Cigent Paris lần đầu tiên sử dụng dầm bê tông đúc sẵn trong công trình Cầu lạc bộ tại Biaritz. Cho tới hiện tại, việc sử dụng kết cấu bê tông đúc sẵn đã trải qua lịch trình phát triển hơn 130 năm, bắt đầu từ những năm 1959 – 1970, cho tới sau những năm 1980 bắt đầu hình thành hệ thống. Đa đa số là hệ thống cấu tạo bê tông đúc sẵn, kích thước được mô đun hóa, cấu kiện được tiêu chuẩn hóa, số lượng ít là các kết cấu thép và kết cấu gỗ. Các liên kết lắp ghép đa phần sử dụng hàn nối và liên kết bằng bu lông.

1. Đặc điểm của công trình lắp ghép kết cấu bê tông đúc sẵn tại Pháp

Công trình lắp ghép tại Pháp lấy hệ thống bê tông làm chủ đạo, hệ thống kết cấu thép và kết cấu gỗ là phụ trợ, đa phần sử dụng khung hoặc hệ thống cột - sàn, phát triển theo hướng khẩu độ lớn, chủ yếu thi công bằng phương pháp khô như liên kết bằng hàn nối..., cấu kiện kết cấu và công trình thiết bị, xây dựng sửa chữa tách riêng, chất lượng thi công và sản xuất cao, chủ

yếu sử dụng hệ thống kết cấu khung lắp ghép bê tông dự ứng lực, tỷ lệ lắp ghép đạt tới 80%, giảm thiểu 50% việc sử dụng giàn giáo, khả năng tiết kiệm năng lượng đạt tới 70%.

Về mặt ứng dụng công nghệ thông tin, vào những năm 1990 của thế kỷ trước, nước Pháp đã bắt đầu mở rộng ứng dụng hệ thống phần mềm G5 trong các công trình bê tông lắp ghép, thúc đẩy sản xuất trên quy mô lớn các cấu kiện đúc sẵn, giảm chi phí, hiệu suất được nâng cao rất nhiều. Trong giai đoạn hiện tại, việc thiết kế, sản xuất, vận hành và bảo trì công trình lắp ghép dựa trên mô hình thông tin công trình (BIM) đã trở thành công cụ quan trọng trong việc đổi mới, hội nhập công nghiệp và xuất khẩu tích hợp các kỹ thuật công trình lắp ghép của các nước.

2. Các sản phẩm chủ yếu sử dụng kỹ thuật công trình bê tông dự ứng lực đúc sẵn

Các kỹ thuật công trình bê tông dự ứng lực đúc sẵn của Pháp đã trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau. Hệ thống các sản phẩm công trình lắp ghép bê tông dự ứng lực hiện tại bao gồm: Dầm PC, tấm PC, hệ thống SCOPE (công trình nhiều tầng), cầu thang PC, vỏ mái nhà PC, khung cửa PC.

- Tấm rỗng: Mười năm trước, tấm rỗng chính là tấm sàn đúc sẵn được ứng dụng rộng rãi nhất, ưu điểm chính của nó là có thiết kế và phương pháp sản xuất hiệu quả cao, độ dày và cường độ chịu lực của cấu kiện hợp lý, hiệu quả kết cấu khá cao. Tấm rỗng đồng thời cũng có khả năng làm việc với khẩu độ lớn, có thể đáp ứng khá tốt yêu cầu về tính linh hoạt và tính thích ứng. Hiện tại, tấm rỗng có độ dày 400mm,

khẩu độ 17m, khả năng chịu tải trọng động 5kN/m^2 được ứng dụng rộng rãi. Tại Phần Lan, tấm rỗng có độ dày 500mm, khả năng chịu tải trọng động 5kN/m^2 và có khẩu độ lên tới 21m. Tại Thụy Điển, tấm sàn rỗng không có hỗ trợ trung gian đã được ứng dụng trong các công trình văn phòng, hơn nữa quy mô không ngừng được mở rộng.

- Tấm sàn đặc phức hợp: Tấm đặc phức hợp tại Pháp được cấu tạo từ tấm bê tông dự ứng lực cơ sở đúc sẵn và lớp đổ sau. Độ dày tiêu chuẩn của tấm cơ sở chia thành 5 loại là 50, 60, 80, 100, 120mm, tổng độ dày là 100 - 300mm, độ rộng thường là 2,5m, cũng có thể nhỏ hơn, khẩu độ lớn nhất có thể đạt trên 10m. Ưu điểm của tấm sàn đặc phức hợp là: thi công nhanh, mục đích sử dụng rộng rãi, chất lượng tốt, an toàn tin cậy, thuận tiện lắp đặt, tiết kiệm diện tích đất sử dụng, trọng lượng nhẹ, mức độ tự động hóa cao, hiệu quả kinh tế rõ rệt.

- Dầm PC: Khẩu độ của dầm PC có thể khống chế, hơn nữa chủng loại đa dạng, mục đích sử dụng rộng rãi, có hai loại dầm là dầm hình chữ nhật và dầm hình chữ H.

- Hệ thống kết cấu đúc sẵn nhiều lớp: Hệ thống kết cấu chế sẵn nhiều lớp có những đặc điểm sau: mục đích sử dụng rộng rãi, có thể dùng cho các địa hình và ngoại hình công trình khác nhau, sử dụng tấm sàn phức hợp có tính kháng chấn khá tốt, cột cố định vào nền tảng độc lập, tuy nhiên liên kết khá đơn giản, tốc độ lắp đặt nhanh, phù hợp với tiêu chuẩn chống cháy lớn hơn 2h.

- Liên kết cột dầm: Liên kết cột và dầm điển hình sử dụng tiếp điểm khóa; Vị trí tiếp điểm liên kết giữa các lớp cột đúc sẵn nên tăng thêm cốt thép đan xen, đồng thời được hàn nối với cốt thép dọc, mục đích để trong quá trình thi công đảm bảo tính ổn định cho cột đúc sẵn. Bên dưới dầm bố trí các cột chống tạm tại hiện trường, mục đích để chịu tải trọng của dầm trong quá trình thi công. Đặc điểm của nó là mức độ tự động hóa cao, việc sản xuất và cung ứng sản

phẩm đều do máy tính kiểm soát, hiệu quả kinh tế rõ rệt. So sánh với bê tông cốt thép đổ trực tiếp tại hiện trường (RC), liên kết cột dầm đúc sẵn tiết kiệm vật liệu thép và bê tông hơn, đồng thời không cần đến cốp pha.

- Cột RC đúc sẵn: Vị trí tiếp điểm liên kết giữa các lớp cột đúc sẵn nên sử dụng cốt thép đan xen, đồng thời hàn nối với cốt thép dọc. Sau khi cột được lựa chọn vị trí xong có thể điều chỉnh và cố định lại.

- Các sản phẩm khác: Các sản phẩm khác chủ yếu có dầm nhỏ PC đúc sẵn, dầm hình máng, cầu thang, khung cửa...

3. Thi công lắp đặt kết cấu công trình bê tông dự ứng lực đúc sẵn và hệ thống SCOPE

Hình 1 là hình ảnh hiện trường thi công công trình bê tông dự ứng lực đúc sẵn của Siêu thị Marseille với diện tích 36 nghìn m^2 . Mức độ cơ giới hóa tại công trường đều rất cao, đại bộ phận các công việc đều do máy móc thực hiện lắp đặt các cấu kiện đúc sẵn, chỉ có một lượng nhỏ các tiếp điểm bê tông cần hoàn thành công tác đổ tại hiện trường. Lượng công việc dành cho bê tông đổ tại chỗ tại công trường rất nhỏ, thông thường chỉ có thể nhìn thấy một máy trộn bê tông tại công trường, số lượng công nhân không nhiều. Hiện trường thi công gọn gàng, sạch sẽ, các bãi tập kết dành cho các cấu kiện bê tông cũng rất nhỏ.

Hệ thống SCOPE là một loại hệ thống kết cấu công trình bê tông dự ứng lực đúc sẵn ưu việt (Hình 2). Nó có tính phù hợp rộng rãi trong các công trình công nghiệp và dân dụng thông thường cũng như các công trình nhà ở tại nông thôn. Khi xây dựng, hệ thống này không đòi hỏi thiết bị thi công cỡ lớn hay thiết bị lắp đặt đặc biệt. Hệ thống SCOPE sử dụng các cấu kiện như dầm PC đúc sẵn, cột RC đúc sẵn, tấm phức hợp..., thông qua bê tông đổ tại chỗ giữa các tấm sàn và tiếp điểm dầm cột để hình thành nên kết cấu PC dạng lắp ghép hoàn chỉnh. Hệ thống SCOPE biến quá trình thi công xây dựng tại hiện trường thông thường với một khối lượng



Hiện trường thi công kỹ thuật công trình bê tông dự ứng lực chế sẵn của một siêu thị tại Marseille

lớn bê tông đổ tại chỗ thành quá trình sản xuất và lắp ghép tổ hợp các cấu kiện được công xưởng hóa, từ đó không những đẩy nhanh đáng kể tốc độ thi công nhà ở mà còn giảm thiểu khối lượng bê tông đổ tại chỗ cũng như diện tích dành cho các bãi tập kết vật liệu xây dựng tại hiện trường thi công, giúp nâng cao mức độ thi công văn minh tại công trường và nâng cao hiệu quả kinh tế.

4. Nước Pháp thúc đẩy đặc điểm công trình lắp ghép kết cấu bê tông chế sẵn

Kiến trúc sư có thể sử dụng các cấu kiện giống như các khối xây dựng để tổ hợp thành các công trình đa dạng (hệ thống dạng khối xây dựng). Bộ Nhà ở nước Pháp ủy thác cho Trung tâm Khoa học kỹ thuật công trình thành lập Ủy ban Đánh giá do Kỹ sư, Kiến trúc sư và Nhà kinh tế tổ hợp thành để tiến hành đánh giá đối



Hệ thống SCOPE của Pháp trong khi xây dựng với các hệ thống cấu tạo. Đến năm 1981, toàn nước Pháp đã lựa chọn ra 25 hệ thống cấu tạo, trong đó có kết cấu gỗ, kết cấu thép, hệ thống bê tông cốt thép đúc sẵn. Ưu điểm nổi bật nhất trong hệ thống cấu tạo của nó là sự đa dạng và linh hoạt trong thiết kế công trình. Sau năm 1982, nước Pháp phát triển theo hướng sản xuất thương phẩm các cấu kiện xây dựng thông dụng, đồng thời phát triển phần mềm “hệ thống logic cấu tạo”, có thể thiết kế ra các công trình đa dạng, không những có thể tiến hành hỗ trợ thiết kế mà còn có thể tính toán nhanh chóng chi phí xây dựng.

**Trương Tân, Lưu Quốc Duy,
Trương Khánh Dương**

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc
Trung Quốc, số 15/2018*

ND: Kim Nhạn

Nghiên cứu về “công trình sinh thái” của Dubai

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, ý thức bảo vệ môi trường và quan niệm sinh thái của con người không ngừng tăng lên, công trình đóng vai trò là sản phẩm cần thiết, chức năng sinh thái của nó cũng tạo được sự quan tâm chú ý của mọi người.

1. Quan niệm công trình sinh thái

Đầu những năm 1960 của thế kỷ XX, kiến trúc sư người Mỹ Paola Soleri lần đầu tiên đưa ra khái niệm “công trình sinh thái”, hơn nữa còn

ghép hai từ sinh thái (Ecology) và Công trình kiến trúc (Architecture) lại với nhau thành công trình sinh thái (Arcology), kiến trúc sư đã cố gắng sử dụng mô hình nguyên tắc sinh thái phức hợp để thiết kế nên một loại đô thị theo kiểu tập trung, tổng hợp cao độ nhằm nâng cao tỷ lệ tận dụng năng lượng và nguồn tài nguyên, xóa bỏ những tác động tiêu cực gây ra bởi quá trình mở rộng đô thị, đồng thời đã tiến hành thử nghiệm mang tính thăm dò trên mảnh đất 860

m² tại Phoenix, đó là xây dựng một công trình sinh thái đầu tiên trên thế giới Arcosanti.

Công trình sinh thái có những đặc tính dưới đây:

- Lựa chọn địa điểm cần cố gắng bảo vệ hệ thống sinh thái vốn có;
- Tài nguyên được tận dụng tuần hoàn hiệu quả cao, sử dụng tối đa các tài nguyên tái sinh;
- Nổi trội về khả năng tiết kiệm năng lượng, nỗ lực sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên như năng lượng mặt trời, địa nhiệt, năng lượng gió, năng lượng sinh học...;
- Rác thải xả ra là vô hại, đồng thời sử dụng các kỹ thuật sinh thái để thực hiện tài nguyên hóa nước thải, rác thải để tái tận dụng;
- Môi trường công trình lành mạnh, thoải mái, chiếu sáng tốt, thông gió tự nhiên, kiểm soát hàm lượng các loại vật chất ô nhiễm hóa học;
- Chức năng công trình linh hoạt phù hợp, dễ dàng bảo trì.

2. Ví dụ về công trình sinh thái tại Dubai

Tháp Burj Khalifa (Burj Khalifa Tower), tên gọi ban đầu là Tháp Dubai, cũng được gọi là Tòa nhà Dubai, là tòa nhà và cấu trúc nhân tạo cao nhất thế giới. (Hình 1)

Tháp Burj Khalifa cao 828,9m, gồm 164 tầng, tổng chi phí xây dựng khoảng 2 tỷ USD, hao phí cho việc sửa chữa xây dựng của bản thân tòa nhà ít nhất cũng mất 1 tỷ USD, còn chưa bao gồm chi phí xây dựng của trung tâm mua sắm quy mô lớn bên trong, hồ nước và và quần thể các tháp thấp tầng. Tháp Burj Khalifa tổng cộng sử dụng 330 nghìn m³ bê tông, 62 nghìn tấn cốt thép, 142 nghìn m² kính. Để xây dựng tháp Khalifa, Công ty Samsung Hàn Quốc đã điều động sử dụng khoảng 4 nghìn nhân công và 100 máy cẩu để bơm bê tông theo hướng thẳng đứng tới vị trí cao 606m, phá kỷ lục khi xây dựng của tòa nhà Trung tâm Tài chính toàn cầu tại Thượng Hải với 492m. Bên trong tòa tháp bố trí 56 bộ máy vận thăng, tốc độ cao nhất đạt 17,4m/giây, ngoài ra còn có máy vận thăng hai tầng dùng cho việc thăm quan, mỗi



Tòa tháp Dubai – Tòa nhà cao nhất thế giới

lần nhiều nhất có thể tải 42 người.

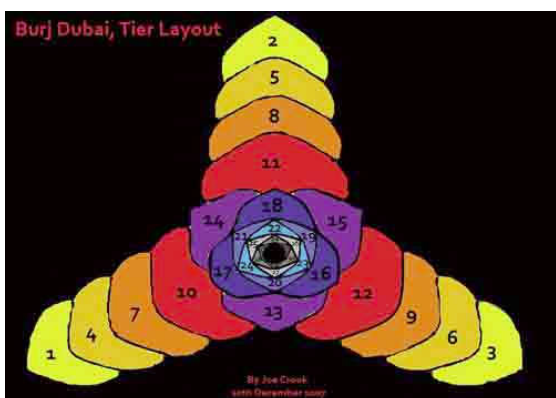
Triết lý công trình của tòa tháp Khalifa là “Bông hoa sa mạc – Desert Flower”, mặt bằng là ba cánh hoa nở đối xứng (Hình 2), mặt đứng tạo thành đường xoắn ốc thông qua 21 nền tầng cao dần, toàn bộ công trình giống như một bông hoa tươi chúm chím sắp nở. Bông hoa này đứng dưới ánh mặt trời chói lóa nơi sa mạc, rèm tường và bầu trời cùng một màu xanh biếc, tỏa ra ánh sáng rực rỡ.

Tháp Khalifa là một trong những tòa nhà nổi tiếng về bảo vệ môi trường, nhưng không hoàn toàn phụ thuộc vào năng lượng mặt trời để duy trì vận hành hoạt động. Phía trên ngọn tháp hải đăng này sẽ lắp đặt 3 tua bin gió cỡ lớn với công suất 225 kW để sản sinh ra một nguồn năng lượng to lớn. Tuy nhiên, ở mặt phía Nam của tòa tháp hải đăng này cũng sẽ lắp đặt 4000 tấm quang điện, trong môi trường sa mạc bản địa có thể lợi dụng hệ thống quang điện để hấp thu năng lượng mặt trời, nền móng càng sâu thì càng giúp cho tòa nhà chọc trời càng tận dụng tốt hơn năng lượng địa nhiệt và hệ thống làm mát bức xạ.

3. Một vài “công trình sinh thái” khác tại Dubai

- Công trình bằng thân thiện với môi trường
- Viên pha lê xanh

Công trình sinh thái tại Dubai là các công trình sinh thái bền vững hay là công trình sinh thái xa hoa ngông cuồng? Trong giới công trình



Bông hoa sa mạc với ba cánh hoa đối xứng

Dubai đang lưu hành một xu thế như thế này – không chỉ cần xây dựng những công trình sang trọng bậc nhất mà còn cần tạo ra những thứ không thể, thứ làm con người kinh ngạc, tuy nhiên cũng có một ví dụ cực đoan về công trình sinh thái: Công trình băng – Viên pha lê xanh (Hình 3).

Trên thực tế, khí hậu mang tính chất sa mạc khô cằn của Dubai không phù hợp với sự tồn tại của tác phẩm điêu khắc băng này, đặc biệt không phù hợp với địa điểm giải trí sang trọng với độ cao 6 tầng này. Bên trong công trình to lớn này còn bao gồm một quầy bar và một phòng nhảy ngầm dưới nước. Hai nhà thiết kế đến từ nước Đức là Frank và Sven Sauer cho biết công trình Pha lê xanh này sẽ tận dụng nguồn năng lượng từ thế giới tự nhiên để đáp ứng nhu cầu nguồn năng lượng tự thân. Được biết, nguồn điện của công trình chế tác từ băng này được cung cấp từ các tấm pin năng lượng mặt trời được khám nạm ở bề mặt của thể băng, đồng thời sử dụng hệ thống tuần hoàn nguồn năng lượng để tiến hành tận dụng nhiều lần.

Tính cho tới thời điểm hiện nay, vẫn không rõ công trình này có thể sản sinh ra bao nhiêu năng lượng, và nguồn năng lượng này phân phối tới quầy bar, phòng cà phê... bằng phương thức nào, đồng thời còn cần hoàn thành một nhiệm vụ quan trọng nhất - đó là bảo đảm cho thể băng tự thân khổng lồ không bị tan chảy. Tuy nhiên, vào mùa hè khô nóng tại bờ biển



Công trình băng

vịnh Ba Tư, muốn khống chế nhiệt độ của tòa nhà băng ở mức dưới 32 độ Fahrenheit, bắt buộc phải có sự hao phí năng lượng to lớn. Cho dù công trình băng thực sự không cần dựa vào nguồn điện bên ngoài để tồn tại, thì “tảng băng” trên khu vực trung tâm sa mạc khô nóng này cũng khó mà phù hợp với cụm từ “tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường”.

- Đảo cọ (Palm Island)

Đảo cọ hay Quần đảo cây cọ (Hình 4) do 3 công trình “đảo cọ” tức 4 nhóm đảo cấu thành (Đảo cọ Jumeirah, Đảo cọ Alishan, Đảo cọ Deira, Đảo thế giới). Đảo cọ Dubai hoàn thành xây dựng với chi phí 14 tỷ USD và được coi là “Kỳ tích lớn thứ 8 của thế giới”.

Hiện tại, một số tổ chức bảo vệ môi trường cũng đã đưa ra những phê bình đối với dự án này. Họ cho rằng, khai thác đảo nhân tạo sẽ khiến môi trường biển địa phương bị ảnh hưởng, tính đa dạng sinh học trên bờ biển Dubai cũng sẽ bị phá hoại. Được biết, các nhân sĩ bảo vệ môi trường vẫn luôn quan tâm về những tác động môi trường sẽ diễn ra bởi quá trình xây dựng một loạt các đảo nhân tạo như thế này tại Dubai. Năm 2001, “Đảo cọ” bắt đầu khởi công, toàn bộ công trình lấp biển đã phải sử dụng 30 triệu tấn đá và 300 triệu m³ cát biển. Các tổ chức bảo vệ môi trường lúc đó đã bắt đầu đưa ra phản đối, họ cho rằng việc xây dựng đảo nhân tạo sẽ làm thay đổi hướng hải lưu, gây tổn hại tới rạn san hô ven biển và quang cảnh tự nhiên.



Đảo cọ

4. Kết luận

Hãy tưởng tượng, những “công trình sinh thái” được xây dựng trên nền tảng đầu tư khổng lồ, trong niên hạn sử dụng có hạn của công trình, nguồn tài nguyên khổng lồ để thực hiện được những công trình này có thể còn lớn hơn rất nhiều so với nguồn năng lượng tiết kiệm được khi những công trình này vận hành. Những vật liệu mới, kỹ thuật mới mang đến những công trình tiết kiệm năng lượng chưa phải là những công trình hoàn mỹ nhất. “Công

trình sinh thái” Dubai là những tác phẩm thời đại được sản sinh trong điều kiện môi trường của Dubai tất nhiên có ý nghĩa thời đại của nó, tuy nhiên chúng chẳng qua là những công trình khác lạ và hoành tráng của Dubai.

Đối với các kiến trúc sư mà nói, không phải cứ chạy theo vẻ ngoài hào nhoáng của công trình đã là tốt, cần xác định được tính chân thực và giá trị của công trình, đặc biệt cần chú ý tới những “công trình sinh thái” với trình độ kỹ thuật cao của tương lai này, sự tồn tại của chúng mang ý nghĩa triển vọng to lớn, tuy nhiên diện mạo bên ngoài mới mẻ, sắc nét và tiên phong mà các công trình này thể hiện lại khiến chúng trở nên hấp dẫn hơn so với những “công trình sinh thái” mà xã hội thực sự cần, cần giữ cái đầu tỉnh táo khi đối diện với trào lưu công trình sinh thái tại Dubai.

Nhạc Đình Đình

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc
Trung Quốc, số 9/2018*

ND: Kim Nhạn

Hội nghị tổng kết công tác năm 2018, triển khai nhiệm vụ 2019 của Công đoàn Xây dựng Việt Nam

Ngày 16/1/2019, tại Hà Nội, Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2018, triển khai nhiệm vụ năm 2019. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Trần Văn Thuật; Chủ tịch CĐXDVN Nguyễn Thị Thủy Lệ; lãnh đạo CĐXDVN và đại diện các công đoàn trong Khối thi đua 11 công đoàn ngành Trung ương.

Theo Báo cáo của CĐXDVN, năm 2018, ngành Xây dựng đã đạt và vượt tất cả 14 chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; hoạt động xây dựng duy trì tăng trưởng với tốc độ 9,16%, đóng góp 0,65 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của cả nước. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế được tập trung thực hiện góp phần tạo lập, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi và bình đẳng. Đã hoàn thành 03 dự án Luật: Luật Quản lý phát triển đô thị; Luật Kiến trúc; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị. Trình Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Nghị định, 06 Quyết định, 02 Chỉ thị, 01 Nghị quyết. Bộ Xây dựng ban hành theo thẩm quyền 09 Thông tư. Công tác quản lý đầu tư xây dựng; quy hoạch và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật; phát triển nhà và thị trường bất động sản; quản lý, phát triển vật liệu xây dựng... được tăng cường, góp phần quan trọng trong việc chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng, kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân; tiếp tục đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân khu công nghiệp. Công tác cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại Hội nghị

kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất, kinh doanh. Những kết quả nêu trên, có sự đóng góp rất lớn và quan trọng của cán bộ, đoàn viên, NLĐ trong toàn Ngành.

CĐXD Việt Nam và các công đoàn cơ sở trực thuộc đã tích cực triển khai các nội dung nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra từ đầu năm và đạt được nhiều kết quả quan trọng, như: Toàn Ngành có 2.126 đề tài, sáng kiến được áp dụng, làm lợi gần 19 tỷ đồng; 02 cá nhân được Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng Lao động sáng tạo; 02 cá nhân được nhận Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh lần thứ III năm 2018; 04 cá nhân được biểu dương tại Lễ kỷ niệm 70 năm ngày Bác Hồ ra lời kêu gọi thi đua ái quốc toàn quốc năm 2018; có 55/56 đơn vị tổ chức hội nghị CBCC, đạt 98%; có 336/443 đơn vị tổ chức hội nghị NLĐ, đạt 76%; có 318 đơn vị tổ chức 795 cuộc đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

Về các công tác khác, năm 2018, CĐXDVN đã tổ chức thành công Đại hội XIII, nhiệm kỳ 2018 - 2023. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 39 đồng chí, bầu đoàn đại biểu dự Đại hội XII Công đoàn Việt Nam gồm 08 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ nhất đã bầu Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch; bầu Ủy ban Kiểm tra gồm 09 đồng chí và bầu



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh trao tặng kỷ niệm chương của ngành Xây dựng cho Chủ tịch CĐXD Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ



Phó Chủ tịch TLĐLĐ Việt Nam Trần Văn Thuật tặng Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn cho CĐXD Việt Nam

Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra. Ngay sau Đại hội, CĐXDVN đã ban hành Quy chế làm việc, Chương trình công tác toàn khóa, Phân công nhiệm vụ Ủy viên Ban Chấp hành khóa XIII, nhiệm kỳ 2018 - 2023. Hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết Đại hội XIII CĐXDVN, tiêu biểu có Công đoàn Tcty Hud, Coma, Lilama, Licogi, Viglacera, Viwaseen...

Chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống ngành Xây dựng Việt Nam, CĐXDVN đã tổ chức các hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa và nhiều hoạt động văn hóa, thể thao: Thăm hỏi, tặng quà CNVCLĐ đang làm việc trên các công trường, nhà máy; các cấp công đoàn thăm hỏi, tặng quà 44.725 lượt cán bộ, đoàn viên, NLĐ có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 31,1 tỷ đồng; tổ chức gặp mặt, thăm hỏi, tặng quà 2.767 cán bộ lãnh đạo qua các thời kỳ đã nghỉ hưu. Tổ chức đoàn đại biểu (94 người) gồm các đồng chí nguyên là lãnh đạo Bộ Xây dựng, CĐXDVN thăm thủy điện Hòa Bình; Tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm, phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng phim tư liệu, kỷ yếu 60 năm xây dựng và phát triển ngành Xây dựng Việt Nam. Tổ chức thành công chuỗi các hoạt động: chủ trì tổ chức giải thể thao ngành Xây dựng thu hút hơn 1.000 vận động viên của 47 đơn vị trong Ngành và một số đơn vị ngoài Ngành tham gia; chỉ đạo Công

đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức Hội diễn văn nghệ quần chúng với sự tham gia của gần 1.000 diễn viên là cán bộ, công chức, viên chức, lao động đến từ 31 đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng, thu hút hàng ngàn CNVCLĐ tham gia cổ vũ, động viên; tổ chức tổng kết, trao giải Cuộc vận động sáng tác ca khúc về ngành Xây dựng; tổ chức chương trình nghệ thuật chào mừng Lễ kỷ niệm. 120 đơn vị trong Ngành tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng; điển hình là phong trào văn hóa, thể thao ở nhiều đơn vị thuộc các Tcty: Coma, Vinaconex, CC1, Lilama, Bạch Đằng, Vicem, Viglacera, Udic; các Trường, Công ty CP: Khảo sát và Xây dựng, Xuân Mai; công đoàn ngành Xây dựng Hải Dương, Hưng Yên...

Các cấp công đoàn trong Ngành tích cực tổ chức thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên; hưởng ứng tích cực các hoạt động xã hội; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tổ chức tốt các phong trào thi đua, công tác nữ công và phát triển đoàn viên công đoàn...

Phát biểu tại Hội nghị, thay mặt Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đánh giá cao những kết quả mà CĐXDVN đạt được trong năm 2018, đã thực hiện tốt và tăng cường các biện pháp chăm lo,



Toàn cảnh Hội nghị

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng mối quan hệ hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc, thoái vốn nhà nước, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cho biết, CĐXDVN và Bộ Xây dựng đã có sự phối hợp chặt chẽ, tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng, có ý nghĩa, như: Phát động tháng hành động ATVSLĐ lần thứ hai; đẩy mạnh phong trào thi đua tổ chức tốt hơn nữa điều kiện sống và làm việc của cán bộ, công chức, người lao động ngành Xây dựng theo Chỉ thị số 05/CT-BXD ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra công tác ATVSLĐ - PCCN tại nhiều công trình... qua đó góp phần quan trọng trong việc

thực hiện chế độ, chính sách nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ, công chức, người lao động toàn Ngành.

Để thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ năm 2019, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đề nghị CĐXDVN tiếp tục đẩy mạnh phối hợp, tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; phối hợp chỉ đạo hội nghị cán bộ công chức, hội nghị người lao động, đối thoại tại nơi làm việc có hiệu quả, thực hiện ký kết thỏa ước lao động tập thể; phối hợp, tham gia công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, chủ động nghiên cứu, đề xuất phương án sắp xếp lao động phù hợp khi doanh nghiệp thay đổi mô hình hoạt động; tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, lao động giỏi, lao động sáng tạo; phong trào thi đua tổ chức tốt hơn nữa điều kiện sống và làm việc của cán bộ, công chức, người lao động ngành Xây dựng; chăm lo đời sống cho người lao động trong dịp Tết cổ truyền năm 2019.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh tin tưởng, với sự quan tâm sát sao của lãnh đạo CĐXDVN, phong trào công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn các cấp của ngành Xây dựng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Trần Đình Hà

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà thăm chúc Tết công nhân lao động

Sáng 17/1, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà và Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ cùng đoàn công tác đã đến thăm hỏi, chúc Tết và tặng quà công nhân lao động tại một số đơn vị sản xuất kinh doanh trong ngành Xây dựng. Đây là một trong những hoạt động truyền thống, có ý nghĩa, thể hiện sự quan tâm, chia sẻ của người đứng đầu

Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam đối với người lao động mỗi dịp Tết đến xuân về.

Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA2) là một trong những DN hoạt động trong lĩnh vực cơ khí. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, thiếu vốn sản xuất kinh doanh, áp lực cạnh tranh khốc liệt, có thời điểm sản phẩm làm ra không tiêu thụ được... Mặc dù vậy, Cty



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chúc tết công nhân Tổng Công ty Lilama

vẫn luôn nỗ lực, tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống cho người lao động bằng việc thực hiện tốt những dự án, đơn hàng đối với khách hàng truyền thống; nghiên cứu đầu tư máy móc thiết bị và nhân lực để nâng cao năng suất lao động, đồng thời tiết kiệm triệt để chi phí quản lý và các chi phí khác... Bộ trưởng Phạm Hồng Hà ghi nhận những nỗ lực của đơn vị, đánh giá cao sự đoàn kết, nhất trí cao của tập thể cán bộ, người lao động của Công ty, khắc phục khó khăn đạt thành tích cao trong sản xuất kinh doanh, xứng đáng với danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Đến thăm Công ty cổ phần bê tông khí Viglacera (Yên Phong, Bắc Ninh), đoàn công tác của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã biểu dương tinh thần làm việc hăng hái, khẩn trương của người lao động. Sản phẩm đặc trưng của doanh nghiệp là sản phẩm gạch block bê tông khí chưng áp với những ưu điểm nổi trội được áp dụng phổ biến tại nhiều công trình xây dựng, góp phần hiện thực hóa chủ trương phát triển vật liệu xây dựng không nung của Chính phủ. Đây là một trong những nhà máy có tính tự động hóa và cơ giới hóa cao, sử dụng ít lao động, môi trường làm việc an toàn. Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn đảm bảo việc làm, đời sống ổn định cho



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chúc tết công nhân Tổng Công ty Coma

người lao động.

Cùng ngày, đoàn công tác cũng đến thăm Công ty Cổ phần Lilama 69/1- là một trong hai đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) có trên 50 năm xây dựng và phát triển. Lilama 69/1 đã tạo nên thương hiệu có uy tín trong ngành lắp máy và chế tạo thiết bị ở Việt Nam, trở thành địa chỉ tin cậy của khách hàng trong và ngoài nước. Mặc dù thị trường cơ khí ngày càng gặp nhiều áp lực nhưng LILAMA 69/1 vẫn đảm bảo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động trên các công trường.

Tại các nơi đến thăm, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà và Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ đã ân cần thăm hỏi, động viên và trao quà cho người lao động. Bộ trưởng đánh giá cao tinh thần đoàn kết, khí thế thi đua lao động sản xuất khẩn trương của công nhân trong những ngày giáp Tết, đồng thời đề nghị lãnh đạo các doanh nghiệp tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm đủ việc làm, chăm lo hơn nữa đời sống, để mọi người lao động đều đón Tết xuân mới vui vẻ, lành mạnh.

Cao Lan Hương

Học viện AMC tổng kết công tác năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019

Ngày 22/1/2019, tại Hà Nội, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (Học viện AMC) tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019. Tham dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh, Giám đốc Học viện AMC Trần Hữu Hà, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng, các chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Tại Hội nghị, thay mặt lãnh đạo Học viện AMC, Phó Giám đốc Nguyễn Anh Dũng trình bày Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019 của Học viện, trong đó nhấn mạnh sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ Xây dựng, sự ủng hộ, hợp tác hiệu quả của các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng, các địa phương, cùng với truyền thống đoàn kết, ý thức trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, ngay từ đầu năm 2018, Học viện AMC đã đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Cụ thể, năm 2018, Học viện AMC mở được tổng số 266 lớp, với 15.880 học viên, vượt 13% về số lớp và vượt 56,8% về số lượng học viên so với kế hoạch đề ra, trong đó có 12 lớp, 753 học viên dành cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc Bộ Xây dựng, đạt 100% kế hoạch Bộ Xây dựng giao; đồng thời triển khai các giải pháp tái cơ cấu, cắt giảm đầu mối từ 19 đơn vị xuống còn 15 đơn vị.

Phó Giám đốc Nguyễn Anh Dũng nhấn mạnh kết quả quan trọng của Học viện AMC trong năm 2018, đó là hoàn thành rà soát các đối tượng của Đề án 1961 tại các địa phương. Trên cơ sở đó, Học viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng tỉnh, thành. Thực hiện Đề án, năm 2018, Học viện AMC đã tổ chức 61 lớp đào tạo, bồi dưỡng, với số lượng 2.061 học viên, vượt kế hoạch đề ra cũng như



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

vượt qua kết quả thực hiện năm 2017.

Thực hiện chủ trương mở rộng hợp tác quốc tế, năm 2018, Học viện AMC chủ động triển khai hoạt động đào tạo, trao đổi thông tin với các tổ chức quốc tế như: Cơ quan phát triển (AFD), Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI), Viện Đào tạo đất đai, hạ tầng và giao thông Hàn Quốc (TILIT)... nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế, nâng cao năng lực chuyên môn cũng như kinh nghiệm trong thực tế.

Năm 2018, Học viện AMC tổ chức thành công 10 khóa đào tạo và hội nghị quốc tế, với số lượng 385 học viên. Trong đó có 3 hội nghị tập huấn về tăng trưởng xanh tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Nha Trang, 1 hội nghị đào tạo về biến đổi năng lượng và biến đổi khí hậu, 2 khóa bồi dưỡng quản lý xây dựng và phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế tại Mỹ và Hà Nội, 2 khóa đào tạo về đô thị thích ứng, 1 khóa bồi dưỡng phát triển, quản lý khu vực nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa tại Israel và một số lớp khác. Thông qua các sự kiện này, hình ảnh và thương hiệu Học viện AMC ngày càng được quảng bá và nâng cao.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2018 và các năm trước đó, năm 2019, Học



Giám đốc Học viện AMC Trần Hữu Hà phát biểu tại Hội nghị

viện AMC đề ra mục tiêu phấn đấu mở tổng số 250 lớp với 11.230 học viên, đồng thời tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến nội dung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành Xây dựng; huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; tập huấn QCVN 10:2014/BXD (Công trình cho người khuyết tật); tập huấn về công tác bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm VLXD; nâng cao công tác quản lý chất lượng đào tạo, tiếp tục duy trì nề nếp, quy định của lớp học; quản lý việc lên lớp của giảng viên về thời gian và nội dung, chất lượng bài giảng; từng lớp sau khi kết thúc được lấy phiếu đánh giá; tập trung hoàn thiện bộ chương trình, biên soạn nâng cao chất lượng tài liệu của Đề án 1961 theo kế hoạch đề ra đồng thời hoàn thiện việc bổ sung, thay mới một số chương trình tài liệu chung của Học viện, đánh giá tổng kết công tác làm việc và kiểm tra đối với các địa phương về việc triển khai Đề án 1961, trên cơ sở đó có căn cứ để xúc tiến mở lớp đối với các địa phương...

Tham dự Hội nghị, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh ghi nhận và đánh giá cao những kết quả Học viện AMC đạt được trong năm 2018.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho biết, với chức năng, nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngành Xây dựng, Học viện AMC đã không ngừng phấn đấu, triển khai và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, kiện toàn bộ máy tổ



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh trao Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho các cá nhân tiêu biểu, xuất sắc của Học viện AMC

chức, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đổi mới chương trình, nội dung đào tạo và đạt những kết quả cao trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành Xây dựng, với phương pháp đào tạo kết hợp được kiến thức lý luận và thực tiễn.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đặc biệt đề cao những kết quả Học viện AMC đạt được trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Đề án 1961 do Chính phủ và Bộ Xây dựng giao về “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp”. Đến nay, Học viện đã triển khai đào tạo phủ kín 63 tỉnh thành trên cả nước, đồng thời trình và được Bộ Xây dựng ký ban hành đề cương chương trình điều chỉnh và chương trình chuyên sâu tạo điều kiện hoàn thành mục tiêu Đề án.

Để góp phần cùng toàn ngành Xây dựng hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đặt ra trong năm 2019, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh chỉ đạo Học viện AMC tiếp tục triển khai kế hoạch xây dựng và phát triển Học viện đến năm 2020, tầm nhìn 2025, phát triển Học viện ổn định, giữ gìn đoàn kết nội bộ, tăng cường kỷ luật Đảng, kỷ luật công sở, sắp xếp bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo đúng tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW đã đề ra; tích cực xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn và những đòi hỏi của



Toàn cảnh Hội nghị

xã hội trong thời kỳ hội nhập.

Bên cạnh đó, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh yêu cầu Học viện AMC tiếp tục tập trung nguồn lực, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Đề án 1961; khẩn trương xây dựng và trình Bộ Xây dựng ban hành Bộ chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ gắn với tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm về quản lý xây dựng và phát triển đô thị, thực hiện Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Chỉ thị số 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về

đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu của đất nước trong quá trình đô thị hóa nhanh và mạnh như hiện nay.

Bước sang năm mới 2019, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh tin tưởng, với sự đoàn kết và quyết tâm, Học viện AMC sẽ phát huy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống dạy tốt và học tốt, tăng cường nghiên cứu khoa học, tiếp tục đổi mới để đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Xây dựng và cho đất nước.

Cảm ơn lãnh đạo Bộ Xây dựng và Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đã quan tâm chỉ đạo sát sao các lĩnh vực hoạt động của Học viện và đưa ra những định hướng, chỉ đạo kịp thời, hiệu quả, Giám đốc Trần Hữu Hà cho biết, Học viện AMC sẽ tiếp thu đầy đủ, nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh tại Hội nghị, phấn đấu hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019, đáp ứng sự tin tưởng và kỳ vọng của lãnh đạo Bộ Xây dựng.

Trần Đình Hà

Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng: 45 năm hình thành, xây dựng và phát triển

Cách đây tròn 45 năm, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (Cục Giám định) được thành lập theo Quyết định số 09/CP của Hội đồng Chính phủ quy định về cơ cấu tổ chức Bộ Xây dựng. Từ đó đến nay, Cục Giám định luôn luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được nhiều thành tựu, góp phần quan trọng cho sự phát triển chung của ngành Xây dựng.

45 năm hình thành, xây dựng và phát triển

Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, tiền thân là Cục Giám định xây dựng nhà nước, được thành lập ngày

15/01/1974. Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, tuy còn non trẻ, Cục Giám định đã nhanh chóng ổn định tổ chức và bước đầu phát triển thông qua việc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, bước đầu đặt nền móng định hình trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, hoạt động giám định, thẩm tra thiết kế, kiểm định chất lượng và nghiên cứu khoa học...

Qua nhiều giai đoạn, từ giai đoạn hợp nhất Bộ Kiến trúc với Ủy ban Kiến thiết cơ bản nhà nước thành Bộ Xây dựng, tiếp đến giai đoạn thành lập Ủy ban Xây dựng cơ bản nhà nước và



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Lễ Kỷ niệm 45 năm Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

giai đoạn hợp nhất Ủy ban Xây dựng cơ bản nhà nước với Bộ Xây dựng vào năm 1988, tên Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng được giữ từ năm 1994 đến nay. Trong quá trình này, chức năng, nhiệm vụ của Cục Giám định được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn, nhưng Cục Giám định luôn giữ vai trò là cơ quan tham mưu, cơ quan chuyên môn giúp Bộ Xây dựng trong việc thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật về chất lượng công trình xây dựng, an toàn lao động trong thi công xây dựng, giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định tư pháp xây dựng.

Đạt được nhiều thành tựu quan trọng

Cùng với sự phát triển của đất nước và của ngành Xây dựng, Cục Giám định đã nỗ lực thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình, đặc biệt là việc xây dựng thể chế trong quản lý chất lượng công trình xây dựng, góp phần đảm bảo chất lượng công trình và an toàn trong thi công xây dựng, giảm thiểu tỷ lệ sự cố và khiếm khuyết công trình xây dựng, đồng thời nâng cao được nhận thức xã hội của cộng đồng và người dân trong việc tuân thủ pháp luật xây dựng. Với vai trò là cơ quan thường trực Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng, Cục Giám định đã có nhiều đóng góp trong việc



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao Huân chương Lao động hạng III cho Cục trưởng Phạm Minh Hà

nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quản lý, nâng cao chất lượng các công trình quan trọng quốc gia.

Hệ thống văn bản pháp quy do Cục chủ trì soạn thảo, tham mưu trình lãnh đạo Bộ Xây dựng ban hành đã quy định đầy đủ về các nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục, quyền và trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng trong quản lý chất lượng công trình và tăng cường quản lý công tác bảo trì công trình xây dựng. Hội đồng nghiệm thu Nhà nước cũng chính thức được công nhận quyền kiểm soát chất lượng, công tác quản lý chất lượng rõ nét thông qua công tác nghiệm thu hoặc chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư tại các mốc thi công quan trọng, đồng thời đã chuẩn hóa được hoạt động của các bộ máy giúp việc.

Bên cạnh công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Cục đã tập trung rà soát hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia hiện hữu có nội dung liên quan đến an toàn lao động trong thi công xây dựng; đề xuất áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với sự phát triển của ngành Xây dựng hiện nay.

Song song với quá trình hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các hệ thống tiêu

chuẩn quy chuẩn, Cục Giám định từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn trong việc quản lý chất lượng các công trình xây dựng trong từ các khâu khảo sát, thiết kế đến giai đoạn thi công và nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Thông qua nhiệm vụ kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư, ý thức của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng ngày càng được nâng cao. Nhiều công trình trọng điểm của đất nước như công trình cầu Mỹ Thuận, nhà máy thủy điện Yaly, đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn, Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy khí - điện Cà Mau, Thủy điện Sơn La, Thủ điện Lai Châu... đã hoàn thành, được nghiệm thu hoàn thành và được Bộ Xây dựng quyết định công nhận giải thưởng chất lượng cao.

Là cơ quan đầu mối giúp Bộ Xây dựng quản lý nhà nước về lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng, Cục Giám định đã tham mưu, chủ trì soạn thảo và trình cấp có thẩm quyền ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng, trong đó nổi bật là Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp xây dựng. Nhờ đó, hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng đã có những chuyển biến tích cực như thể chế về giám định tư pháp xây dựng đã cơ bản được hoàn thiện; nguồn nhân lực thực hiện giám định tư pháp đã được tăng lên về số lượng, chất lượng, cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực tế; các vụ việc giám định cơ bản được giải quyết, đáp ứng kịp thời, đúng thời hạn giám định.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn lao động trong hoạt động xây dựng, Cục Giám định đã phối hợp với các Bộ ngành liên quan xây dựng các chính sách theo hướng đổi mới, chủ động ngăn ngừa, làm rõ nội dung quản lý an toàn lao động của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng, trách nhiệm quản lý

của các cơ quan chuyên môn về xây dựng và đa dạng hoá nguồn lực xã hội trong thực hiện công tác an toàn lao động.

Hàng năm, Cục Giám định chủ trì tổ chức hoạt động xét tặng các giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng nhằm tôn vinh và khuyến khích các cá nhân, tập thể hoạt động tốt trong thiết kế, thi công các công trình xây dựng, mà còn giúp các tổ chức, cá nhân đạt giải có lợi thế trong đấu thầu tạo thương hiệu Giải thưởng vững mạnh. Cục Giám định chủ trì tổ chức Lễ phát động Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động nhằm tuyên truyền về pháp luật, hướng dẫn quản lý công tác an toàn lao động trong thi công xây dựng cho các cơ quan, đơn vị quản lý và các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng.

Thực hiện Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai, ngày 18/8/2015 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Xây dựng, trong đó Cục Giám định là Cơ quan thường trực. Cục Giám định đã tích cực triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Ban chỉ huy như: Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành các công điện và văn bản chỉ đạo địa phương thực hiện ứng phó kịp thời với bão, lũ góp phần làm giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và công trình xây dựng; tổ chức hướng dẫn về các biện pháp ứng phó các cơn bão khẩn cấp tại các địa phương có nguy cơ bị ảnh hưởng lớn do thiên tai ở khu vực Tây Bắc, Miền Trung...

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, Cục Giám định đã triển khai thực hiện nhiều Dự án sự nghiệp kinh tế, đề tài nghiên cứu khoa học quan trọng, góp phần vào sự phát triển của xã hội nói chung cũng như của ngành Xây dựng nói riêng như: Dự án tăng cường năng lực trong công tác đảm bảo chất lượng xây dựng, Đề án tăng cường năng lực kiểm định

chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam.

Thành tích thi đua

Trải qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ cán bộ của Cục Giám định đã nhiều đóng góp quan trọng, đưa Cục Giám định trở thành một trong những đơn vị có uy tín, đảm đương nhiều nhiệm vụ quan trọng của Bộ Xây dựng, góp phần vào sự phát triển của ngành Xây dựng Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý chất lượng và giám định chất lượng công trình xây dựng. Tập thể và nhiều cá nhân của Cục đã được Đảng và Nhà nước tặng

thưởng nhiều danh hiệu cao quý, tiêu biểu như: Huân chương lao động Hạng Ba các năm 1990 và 2013; Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng năm 1987; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ các năm 1995, 2010, 2013, 2015; Bằng khen của Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước các năm 1983, 1985, 1986; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng các năm 2007, 2014.

Trần Đình Hà

Viện Kinh tế Xây dựng đẩy mạnh công tác tham mưu hoàn thiện thể chế pháp luật ngành Xây dựng

Năm 2018, ngành Xây dựng đã ghi những dấu ấn đáng nhớ trong công tác hoàn thiện thể chế pháp luật về xây dựng. Trong đó, Bộ Xây dựng đã tập trung triển khai 2 đề án quan trọng là “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng công trình” và “Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng”. Tính riêng Đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng công trình”, đến hết năm 2018, Bộ Xây dựng đã hoàn thành giai đoạn 1 của đề án, tập trung rà soát lại toàn bộ trên 20.000 định mức do Bộ Xây dựng, Bộ chuyên ngành và UBND các tỉnh công bố. Trên cơ sở đó, khắc phục sự bất cập của hệ thống định mức, giá xây dựng hiện hành; loại bỏ định mức công nghệ quá lạc hậu; làm rõ công nghệ tiên tiến, hạn chế tình trạng sử dụng công nghệ lạc hậu trong lập dự toán làm tăng chi phí dự án.

Đóng góp một phần không nhỏ vào kết quả trên là kết quả sự nỗ lực cố gắng của tập thể lãnh đạo, viên chức Viện Kinh tế Xây dựng trong công tác nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách góp phần hoàn thiện thể chế phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ xây dựng.

Đối với đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng theo Quyết định số 2038/QĐ-

TTg ngày 18/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Viện Kinh tế Xây dựng đã chủ trì việc rà soát hệ thống định mức dự toán xây dựng (gồm định mức dự toán xây dựng; định mức dự toán khảo sát, thí nghiệm; định mức lắp đặt; định mức sửa chữa; chỉ tiêu máy thiết bị). Kết quả, Viện đã rà soát tổng thể khoảng 14.448 định mức dự toán xây dựng do Bộ Xây dựng công bố, cụ thể như sau:

- Đối với định mức dự toán xây dựng:

Riêng định mức dự toán xây dựng theo phạm vi trách nhiệm của Bộ Xây dựng công bố hiện có 5.019 mức. Trong những năm vừa qua, Bộ Xây dựng cũng đã tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung với một khối lượng khá lớn định mức (khoảng hơn 3.000 mức). Kết quả rà soát đã điều chỉnh hao phí của nhiều loại công tác, trong đó tập trung đối với công tác thi công phần ngầm và công tác hoàn thiện. Tuy nhiên, đối với các định mức còn lại, qua rà soát cho thấy định mức còn những bất cập cơ bản như: Thuyết minh nội dung công việc chưa rõ ràng, yêu cầu kỹ thuật thiếu cụ thể và điều kiện áp dụng định mức là chưa rõ... Ngoài ra, hao phí định mức của nhiều loại công tác, nhất là những loại công tác có ảnh hưởng lớn đến chi phí của công trình là chưa phù hợp (hao phí về nhân công, máy thi

công mức cao hơn so với yêu cầu).

Theo kết quả rà soát năm 2018, ngoài việc hoàn thiện thuyết minh áp dụng định mức, điều kiện áp dụng định mức của toàn bộ các định mức dự toán xây dựng, riêng lần rà soát này đã loại bỏ khoảng 873 mức đã lạc hậu; sửa đổi bất cập của khoảng gần 2.000 mức. Các trị số mức sửa đổi chủ yếu điều chỉnh giảm hao phí nhân công và hao phí máy thi công (hao phí nhân công giảm phổ biến bình quân từ 15% đến 22%, trừ một số trường hợp giảm đến trên 30%; hao phí máy thi công giảm từ 7% đến 13%). Ngoài ra, theo kết quả sửa đổi đã điều chỉnh lại nhiều bất hợp lý khác (như tách định mức vận chuyển lên cao, tách khối lượng công tác có khối lượng lớn...) về thực chất đã điều chỉnh giảm trị số mức. Ngoài ra, kết quả điều chỉnh lần này đối với hao phí định mức đã tập trung ở một số loại công tác chủ yếu của các công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình công nghiệp. Mặt khác, đã bổ sung khoảng gần 70 định mức mới theo các công nghệ, biện pháp thi công mới.

- Đối với định mức dự toán khảo sát xây dựng: Đã rà soát toàn bộ định mức dự toán công tác khảo sát xây dựng (415 mức). Qua rà soát chỉnh sửa về thành phần công việc và trị số mức 38 mức, bổ sung khoảng 24 mức mới trong điều kiện có đủ cơ sở để xác định định mức.

- Đối với định mức dự toán thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, kết cấu xây dựng: Đã rà soát toàn bộ 466 định mức thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng. Qua rà soát loại bỏ 02 mức đã lạc hậu, sửa đổi trị số của 28 mức và bổ sung khoảng 40 mức mới.

- Đối với định mức dự toán lắp đặt hệ thống kỹ thuật: Qua rà soát toàn bộ khoảng 2.457 mức đã loại bỏ 138 mức lạc hậu không có giá trị sử dụng; sửa đổi khoảng 724 mức bất cập và bổ sung khoảng 48 mức mới.

- Đối với định mức dự toán lắp đặt máy, thiết bị công nghệ: Qua rà soát các định mức dự toán lắp đặt máy, thiết bị công nghệ cho thấy

còn nhiều bất cập lớn cần phải được hoàn thiện. Tuy nhiên, do chưa đủ căn cứ có tính chất định lượng để rà soát các định mức lắp đặt máy, thiết bị công nghệ nên chưa có kết quả rà soát cụ thể định mức này.

- Đối với các chỉ tiêu xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng: Đã rà soát toàn bộ các chỉ tiêu có liên quan đến việc xác định giá ca máy (669 máy). Qua rà soát đã sửa đổi chỉ tiêu của 9 loại máy và bổ sung chỉ tiêu cho khoảng 20 máy hiện chưa có trong công bố của Bộ Xây dựng.

Viện Kinh tế Xây dựng cũng chủ trì việc xây dựng suất vốn đầu tư đường cao tốc theo nhiệm vụ của đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ: Theo kết quả thực hiện, đến nay Viện đã hoàn thành việc tính toán chi tiết suất vốn đầu tư đường cao tốc (theo quy mô mặt cắt đường; theo điều kiện địa hình, địa chất; theo vùng miền; theo tiêu chuẩn thiết kế). Việc tính toán suất vốn đầu tư đường cao tốc đã được thực hiện theo cách tiếp cận mới về cách thức thu thập số liệu, đối tượng hồ sơ tiếp cận để tính toán và dựa trên kết quả rà soát định mức theo hướng tiết kiệm chi phí đầu tư. Suất vốn đầu tư đường cao tốc sau khi tổ chức lấy ý kiến góp ý sẽ báo cáo Bộ để trình Chính phủ.

Ngoài ra, trong năm 2018, Viện Kinh tế Xây dựng còn chủ trì việc rà soát hệ thống định mức dự toán duy trì dịch vụ hạ tầng đô thị (gồm: công tác sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước; duy trì hệ thống thoát nước; duy trì vệ sinh đô thị; duy trì cây xanh đô thị và duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị. Qua rà soát đã sửa đổi 22 định mức đối với định mức duy trì hệ thống thoát nước; 36 định mức đối với định mức duy trì vệ sinh đô thị; 68 định mức đối với định mức duy trì cây xanh đô thị; 63 định mức đối với định mức duy trì hệ thống chiếu sáng và loại bỏ một số định mức đã lạc hậu và bổ sung một số định mức mới. Theo kết quả rà

soát, hao phí định mức nhân công và máy thi công của một số công tác đã có sự điều chỉnh giảm (khoảng từ 7% đến 15%; thậm chí có công tác giảm đến 30%) và điều chỉnh chỉnh giảm cấp bậc công nhân (cấp bậc bình quân từ 4,0/7 xuống phổ biến là 3,5/7).

Công tác nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách góp phần hoàn thiện thể chế phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng được tập thể lãnh đạo, viên chức Viện Kinh tế Xây dựng xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Viện. Theo đó, năm 2018, Viện đã chủ trì soạn thảo Báo cáo của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trình bày tại Hội nghị toàn quốc tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách trong đầu tư xây dựng có sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả của Báo cáo tại hội nghị là cơ sở để Bộ Xây dựng soạn thảo Nghị quyết trình Chính phủ ban hành (Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 25/8/2018 về một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư xây dựng). Theo tinh thần của Nghị quyết, các Bộ, Ngành Trung ương cần chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các Luật, Nghị định, Thông tư trong phạm vi được phân công để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các luật, giữa Nghị định với Luật, giữa Thông tư với Nghị định... nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư xây dựng bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Viện Kinh tế Xây dựng cũng đã đề xuất một số nội dung chủ yếu để sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng 2014 (Báo cáo trình Bộ trưởng ngày 16/10/2018 của Viện Kinh tế xây dựng) dựa

trên cơ sở kết quả tổng kết, đánh giá của Viện đối với quá trình thi hành Luật Xây dựng 2014 trong thời gian vừa qua. Theo đó, Luật Xây dựng 2014 cần tập trung sửa đổi những bất cập chủ yếu như: Phân loại nguồn vốn để quản lý chưa nhất quán với hệ thống pháp luật có liên quan; cơ chế quản lý dự án ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư chưa cụ thể; thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng còn bất cập; mô hình quản lý dự án còn phải hoàn thiện; điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng; cơ chế quản lý các công trình đặc thù; cơ chế quản lý chi phí, quản lý hợp đồng xây dựng; ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;..vv.

Viện Kinh tế Xây dựng đã kiến nghị Bộ Xây dựng những nội dung cần sửa đổi cơ chế quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Từ kết quả tổng kết, đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, Viện Kinh tế xây dựng đã kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số cơ chế quản lý chi phí; trong đó tập trung để xử lý bất cập đối với các quy định có liên quan đến việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư; tổng mức đầu tư; quản lý các yếu tố đầu vào của chi phí (giá vật liệu theo công bố giá, theo báo giá, theo kết quả thẩm định giá, giá vật liệu tính riêng cho công trình; giá nhân công thị trường, giá ca máy...); quản lý định mức; cơ chế thẩm tra, thẩm định chi phí... Các kiến nghị của Viện đã được sử dụng trong quá trình sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2015/NĐ-CP để trình Chính phủ ban hành.

Ninh Hoàng Hạnh

Ban Chỉ đạo Dự án EECB họp đánh giá tiến độ và định hướng thực hiện dự án năm 2019

Ngày 24/1/2018, tại trụ sở Bộ Xây dựng, diễn ra cuộc họp Ban Chỉ đạo và Ban Quản lý Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng tại Việt Nam (Dự án EECB). Được sự ủy quyền của Trưởng Ban chỉ đạo dự án, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh, ông Vũ Ngọc Anh - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Giám đốc Dự án chủ trì cuộc họp. Tham dự cuộc họp có đại diện nhà tài trợ Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP), các thành viên Ban chỉ đạo dự án, Ban QLDA, và các đối tác dự án.

Tại cuộc họp, thay mặt Ban QLDA, bà Hoàng Thị Kim Cúc - Quản đốc dự án, báo cáo kết quả thực hiện dự án năm 2018 và kế hoạch thực hiện năm 2019. Theo đó, năm 2018, Ban QLDA đã nỗ lực khắc phục khó khăn, tập trung nguồn lực triển khai, thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đã đề ra theo kế hoạch. Năm 2018, dự án đã hoàn thành 09/15 hoạt động kỹ thuật chính, 05/15 hoạt động kỹ thuật khác đang được triển khai và 01 hoạt động chưa thực hiện do chưa đủ thông tin. Bên cạnh các hoạt động chính theo kế hoạch, Ban QLDA đã thực hiện nhiều hoạt động bổ sung và đạt kết quả đáng chú ý như: đóng góp ý kiến hoàn thiện dự thảo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Bộ Công thương) và ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Tập đoàn BRE (Vương quốc Anh) về hỗ trợ kỹ thuật cho Dự án EECB,... Tuy tiến độ thực hiện và giải ngân trong năm 2018 chưa đạt 100% kế hoạch đề ra, nhưng Dự án EECB đã có những bước tiến quan trọng so với các năm trước và hứa hẹn sẽ đạt được bước đột phá trong năm 2019.

Trên cơ sở kết quả đạt được năm 2018 và các năm trước đó, Ban QLDA EECB đề ra kế hoạch thực hiện năm 2019 - năm bản lề quyết định sự thành công của Dự án, trong đó trọng



Toàn cảnh cuộc họp

tâm là hoàn thành thiết lập đường đặc trưng suất tiêu hao năng lượng riêng và định mức tiêu thụ năng lượng của công trình cao tầng; hỗ trợ quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng; tham gia hỗ trợ kỹ thuật công trình xanh; phối hợp với Cục Quản lý hoạt động xây dựng cập nhật Ngân hàng câu hỏi cấp Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật về tiết kiệm năng lượng trong công trình từ thiết kế đến nghiệm thu, bàn giao; tổ chức cuộc thi quy mô toàn quốc về nâng cao năng lực thiết kế công trình xanh/công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho đối tượng sinh viên; hỗ trợ tư vấn tiết kiệm năng lượng cho các công trình mới và công trình cải tạo,...

Đại diện nhà tài trợ, ông Đào Xuân Lai - Trợ lý Giám đốc quốc gia, Trưởng phòng Môi trường và Phát triển bền vững, ghi nhận những nỗ lực của Ban QLDA EECB, đồng thời đánh giá cao những kết quả Dự án EECB đạt được trong năm 2018. Theo ông Đào Xuân Lai, để đảm bảo Dự án về đích đúng hạn (tháng 4/2020), các thành viên Ban Chỉ đạo, Ban QLDA cần tăng cường phối hợp hơn nữa; bổ sung nhân sự cho những vị trí cần thiết; linh hoạt trong cách thức triển khai thực hiện nội dung các Hợp phần; chú trọng hơn tới công tác truyền thông.

Phần thảo luận diễn ra sôi nổi với những ý kiến đóng góp về định hướng chính sách, chia

sẽ kinh nghiệm giải quyết những vướng mắc tương tự về dán nhãn năng lượng (đại diện Bộ Công thương), về ban hành tiêu chuẩn (đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ), về phát triển công trình xanh...

Tiếp thu ý kiến đóng góp của các đại biểu, Giám đốc Dự án EECB, ông Vũ Ngọc Anh,

cam kết năm 2019, Ban QLDA và Vụ Khoa học công nghệ và môi trường sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng và các bên có liên quan tập trung hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

Trần Đình Hà

Bộ Xây dựng đẩy mạnh cải cách hành chính trong năm 2019

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong ngành Xây dựng luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Bộ Xây dựng tập trung trong nhiều năm qua. Những thành công bước đầu đã được Chính phủ và người dân đánh giá cao.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trong những năm qua, Bộ trưởng, tập thể lãnh đạo Bộ Xây dựng đặc biệt quan tâm, chỉ đạo quyết liệt công tác CCHC trong ngành Xây dựng và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Bộ Xây dựng được Chính phủ đánh giá là một trong những Bộ đã có những cải cách mạnh mẽ mạnh mẽ trong việc đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Việc rà soát, cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện quyết liệt. Tại Hội nghị tổng kết ngành Xây dựng năm 2018, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, trong năm 2018, Bộ đã trình và được Chính phủ ban hành Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, trong đó đã thực hiện bãi bỏ 5 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư; đơn giản hóa và bãi bỏ 85% tổng số điều kiện đầu tư kinh doanh. Đồng thời, Bộ Xây dựng tiếp tục rà soát, đề xuất bãi bỏ 04 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện



Bộ Xây dựng triển khai tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa đang được quy định tại Luật Đầu tư để thay bằng hình thức quản lý khác, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Kết quả cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ngành xây dựng được thể hiện rõ qua chỉ tiêu cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, chỉ số cấp phép xây dựng năm 2018 của Việt Nam đạt thứ hạng 21/190 nền kinh tế và là chỉ số có thứ hạng cao nhất trong 10 chỉ số đánh giá môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Bên cạnh đó, việc rà soát, cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt với việc bãi bỏ tới 89 điều kiện (41,3%), đơn giản hóa 94 điều kiện (43,7%), giữ nguyên 32 điều kiện (15%) trên tổng số 215 điều kiện đầu tư kinh doanh các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Cấp phép xây dựng trực tuyến cấp độ 3 đã giúp giảm 2/3 số thời gian làm thủ tục. Đồng

thời, Bộ Xây dựng đã tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, cung ứng dịch vụ trực tuyến công tại Bộ được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao.

Bước sang năm 2019, một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Bộ Xây dựng xác định rõ chính là cải cách hành chính, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh. Bộ Xây dựng đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 (Quyết định số 1620/QĐ-BXD ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) nêu ra các nhiệm vụ cụ thể, đó là: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính; công tác chỉ đạo điều hành.

Về cải cách thể chế: Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, đảm bảo đúng quy trình, tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ và khả thi; tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Xây dựng ban hành; tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp, theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Về cải cách thủ tục hành chính: Tiếp tục rà soát, cắt giảm các TTHC tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; Kiểm soát các quy định về TTHC trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiểm soát, rà soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, đi kèm với công tác theo dõi thi hành pháp luật tại các Bộ, ngành, địa phương liên quan đến chức năng quản lý nhà

nước của Bộ Xây dựng; Công khai TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và niêm yết TTHC tại trụ sở giải quyết TTHC; Tổ chức, triển khai tiếp nhận và trả kết quả TTHC tại Bộ phận một cửa Bộ Xây dựng, báo cáo kết quả tiếp nhận và trả kết quả TTHC.

Về cải cách tổ chức bộ máy: Đẩy mạnh triển khai thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Tiếp tục triển khai và hoàn thành công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ, tổ chức thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng là chủ sở hữu; Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc của các cơ quan hành chính thuộc Bộ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Tiếp tục thực hiện Đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ; Thực hiện tinh giản biên chế theo đúng mục tiêu đã đề ra, quy định và quản lý chặt chẽ biên chế đối với các cơ quan, đơn vị hành chính trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức và vị trí việc làm.

Về cải cách tài chính công: Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thực hiện các nhiệm vụ về công tác quản lý tài chính, tài sản tại các doanh nghiệp do Bộ làm đại diện chủ sở hữu...

Về hiện đại hóa hành chính: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý nhà nước và thực hiện cải cách hành chính theo Nghị quyết 36a/2015/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử; xây dựng Cổng thông tin tích hợp hệ thống thông tin trực tuyến và phần mềm một cửa điện tử Bộ Xây dựng; xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cơ quan Bộ Xây dựng.

Về công tác chỉ đạo điều hành: Tập trung thực hiện Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn của Bộ; Xác định rõ và đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ đối với công tác

CCHC; Kiểm tra theo kế hoạch năm 2019 việc thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Ninh Hoàng Hạnh

Kiến trúc tre của thế giới

Trong những năm gần đây, số lượng các dự án, các thiết kế bằng tre đang tăng lên. Về bản chất, đó là những kết cấu đan và trạm trở nom khá nhẹ nhàng và đẹp mắt. Nếu theo dõi archdaily.com hay bất kỳ ấn phẩm nào về lĩnh vực kiến trúc và xây dựng, độc giả cũng có thể có cùng cảm nhận đối với xu hướng tre ngày càng rõ nét trong kiến trúc. Thiết kế tre đầu tiên trên thế giới xuất hiện vào tháng 6/ 2010. Từ 2010 - 2016, thế giới ghi nhận thêm khoảng 10 dự án tre. Riêng trong năm 2016 - thêm năm dự án, và riêng năm 2017 - mười ba dự án tre được hoàn thành. Rõ ràng, trong kiến trúc hiện đại, tre đã để lại dấu ấn rất rõ, và đầy tiềm năng phát triển trong những năm tiếp theo.

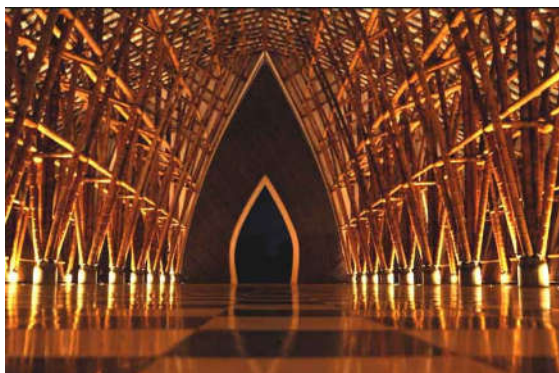
Kiến trúc tre chủ yếu hình thành tại những quốc gia có nhiều tre. Ở những quốc gia đó, trong nhiều thế kỷ, tre được sử dụng làm vật liệu để xây nhà và nhiều công trình kinh tế khác. Trước đây, không mấy người đặc biệt chú ý đến điều này vì tính chất “vùng sâu vùng xa” của các lãnh thổ nhiều tre so với trung tâm văn hóa kiến trúc của thế giới. Thuở ban đầu, kiến trúc tre theo truyền thống và rất thủ công, rất thông thường đối với người dân bản địa; trong khi các chuyên gia, những người có chuyên môn không phải là khách thường xuyên tại các địa chỉ này.

Muốn hiểu sâu xa lịch sử ra đời và phát triển của kiến trúc tre hiện đại, hãy cùng tác giả đi ngược lại khoảng một thập kỷ trước đây. Hiện nay chưa có nhiều doanh nghiệp làm việc với tre lâu năm, nhất là ở quy mô lớn. IBUKA là một trong những công ty hàng đầu ở châu Á (trưởng



Zeri pavilion tại Expo Hannover 2000

thành từ dự án Green school) được thành lập vào năm 2007. Những người sáng lập công ty tuyên bố bắt đầu nghiên cứu và phát triển xu hướng tre do được truyền cảm hứng từ những ý tưởng toàn cầu. Ví dụ, bởi thực tế là ngày nay trên Trái đất, sự phát triển các ngành công nghiệp đang góp phần hủy hoại dần những cánh rừng, và do đó làm giảm cân bằng oxy, ảnh hưởng đến thực trạng khí hậu trên hành tinh. Tre trong trường hợp này là đáp án cho nhiều vấn đề bởi có những thuộc tính tự nhiên và khả năng tự đổi mới rất tốt. Ngoài ra, đó là một ý tưởng toàn cầu mà chúng ta cần phát triển tới những nơi xa xôi nhất, để sử dụng hợp lý hơn mọi nguồn tài nguyên trên trái đất. Đối với người sáng lập Green School, ông John Hardy, nguồn cảm hứng chính là Linda Garland và sự nghiệp của bà. Bà đã đến châu Á vào những năm 1980 để nghiên cứu, quảng bá và bảo vệ cây tre, là một trong những người sáng lập The Environmental Bamboo Foundation. Chính vì ảnh hưởng của bà, John Hardy đã tham gia nghiên cứu tre, tiếp tục phát triển



Một nhà thờ bằng tre, tác phẩm của Velez Simon tại Columbia

nghiên cứu của mình thành một trường học và một xưởng thiết kế - xây dựng.

Cho tới thời gian gần đây, thực tế chưa có kiến trúc sư nào làm việc với tre ở cấp độ thế giới, đại diện duy nhất là Simón Vélez - kiến trúc sư người Colombia, người đã làm việc với tre trong phần lớn sự nghiệp của mình. Gợi kiến trúc của mình là phong cách của “người ăn chay”, ông giải thích con người hiện đại dường như muốn trở về sống trong hang động khi chấp nhận thường xuyên sinh sống trong các tòa nhà - hang động bằng đá nhân tạo (cách ông dùng để gọi bê tông cốt thép). Theo ông, cách sống này đi ngược lại với bản chất con người vốn được sinh ra không phải trong hang động, mà là giữa màu xanh của thiên nhiên. Công trình bằng tre đầu tiên của Vélez là Zeri Pavilion tại EXPO 2000 ở Hannover. Vì những thành tựu đạt được với tre, ông đã nhận được nhiều giải thưởng lớn trên thế giới như The Prince Claus Awards 2009, Venice Biennale 2016.

Tác giả bài viết muốn đề cập tới một số tiền đề có thể trở thành yếu tố thúc đẩy sự phát triển của kiến trúc tre hiện đại. Tre là một vật liệu rất bền vững. Đó là một trong những loại cây phát triển rất nhanh, nhanh nhất (một số loài tre phát triển với tốc độ tăng trưởng tới 89 cm mỗi ngày). Hơn nữa, đây là nguồn tài nguyên xây dựng có thể tái tạo cực kỳ nhanh, không có vấn đề với việc xử lý, và có thể linh hoạt biến thành các hình dạng đẹp mắt đến không ngờ.



Phòng tập thể thao của trường trung học Chiangmai (Thái Lan)

Tre khá đơn giản trong xử lý, không đòi hỏi kỹ năng và kiến thức đặc biệt phức tạp. Được ví như “thép tự nhiên”, những thân tre mềm mại và dài thực sự rất giống cốt thép và ống thép. Bên cạnh đó, làm việc với tre đơn giản như làm việc với một cái cây - trong các khớp của tre có thể dễ dàng tìm thấy các yếu tố của khớp, vết cắt, tương tự như các khớp nối truyền thống của một khúc gỗ hoặc thanh gỗ. Các kiến trúc sư Nga đã vận dụng những phương pháp ghép nối tương tự như vậy khi xây một ngôi nhà từ cây thông thông thường. So với gỗ, tre còn có một số ưu điểm khác: Thân tre mỏng hơn, dài hơn và theo đó, mềm dẻo hơn nhiều lần. Từ đây xuất hiện các yếu tố cấu trúc độc đáo của các trụ đỡ từ các vòm tre, từ các hình dáng parabol, hyperbol và các kết cấu hình khối khác của hệ dầm xà. Mỗi thân tre uốn cong, đan xen và quấn với nhau. Toàn bộ độ cứng được bảo toàn nhờ sự bện chặt và rất bền vững của các yếu tố, tạo lực kết dính bên trong, tạo ma sát và ứng suất trước trong các kết cấu để có thể dễ dàng ứng biến với tải trọng bên ngoài.

Phần lớn các công trình bằng tre hiện nay có mặt tại Đông Nam Á, Trung Quốc và Ấn Độ. Lĩnh vực ứng dụng của tre khá đặc thù, làm một bức tường dày và ấm áp hoàn toàn bằng tre thực sự rất phức tạp, cho dù hiện nay đã có những công nghệ sử dụng tre làm ván khuôn cố định và khung bên trong cho tường, được thực hiện bằng hỗn hợp đất sét với chất độn hữu cơ.



Một số thiết kế tại triển lãm Kiến trúc tre thế giới 2017 tại Trung Quốc

Các công trình xây dựng bằng tre chủ yếu là mái che, sân thượng, các cơ sở thể dục thể thao tại các nước có khí hậu ẩm áp, nơi tre được bảo vệ tránh mưa và nắng nóng.

Ngoài kiến trúc đơn thuần, các khóa học và hội thảo về kiến trúc tre đã được tổ chức rộng rãi thời gian gần đây, đặc biệt trong năm ngoái 2017. Việc phổ biến tre làm vật liệu xây dựng cũng là một chủ đề nóng cho các cuộc hội thảo. Nhiều trường học bằng tre tiếp tục được xây dựng tại các quốc gia nơi tre được sử dụng làm vật liệu xây dựng theo truyền thống. Đã xuất hiện thêm một ngôi trường như vậy ở Campuchia - BambooU (university) - một dự án được tổ chức dựa theo mô hình Kul Kul Farm at Green school tại Bali (Indonesia). Ngoài các hoạt động học đường thông thường, đây sẽ còn là nơi tổ chức các cuộc hội thảo liên quan đến tre, hai lần mỗi năm.

Năm 2014, Hiệp hội Kiến trúc sư (AA) đã lên kế hoạch phát triển các khóa học về tre ở Haiti. Khóa học ra đời từ việc khắc phục hậu quả của trận động đất và bão mạnh nhất xảy ra vào năm 2010, gây ra sự tàn phá khủng khiếp tại thủ đô Port-au-Prince. Có hai khóa học thiết thực được tổ chức thời gian này, với chủ đề ứng phó với các tình huống thực tế và các hậu quả động đất trong thành phố, và khôi phục khung xã hội (nhiều cơ sở hạ tầng đã bị hư hại nghiêm trọng). Chủ đề của năm tiếp theo là hướng dẫn người dân địa phương các biện pháp phá dỡ và

sửa chữa mái nhà trong những cơn bão mạnh nhất. Đầu năm 2016, các thành viên tham gia khóa học đã tham gia nghiên cứu một ngôi nhà với tiện nghi tối thiểu để sinh sống dành cho một hộ gia đình, và sau một thời gian gia đình có thể tiếp tục tự mình mở rộng căn nhà đó. Tất cả các nhiệm vụ này đã được đề xuất để giải quyết trước hết thông qua tre - loại vật liệu xây dựng truyền thống của Haiti, thân thiện với môi trường, rẻ và an toàn.

Cuối năm 2016, đại diện Hiệp hội đã tới thăm quận Bago (Myanma). Mục đích chuyến đi là thành lập một trường kiến trúc địa phương để có thể hỗ trợ và phát triển văn hóa Myanma, phát huy nền kiến trúc truyền thống và đưa tre lên một mức độ phát triển mới.

Một sự kiện quan trọng khác để định hình tre như một vật liệu kiến trúc hiện đại là triển lãm kiến trúc tre thế giới lần đầu tiên năm 2017. Mục tiêu của cuộc triển lãm không chỉ là xem xét khả năng của vật liệu, xét từ góc độ giá trị kiến trúc, mà còn là vấn đề ứng dụng và khả năng khai thác. Các mô hình trưng bày sau đó đã được ứng dụng tại chỗ - tất cả các công trình bằng tre trong triển lãm đều được bảo tồn trong môi trường đô thị và được giữ lại phục vụ cư dân địa phương. Đó là một cây cầu, ba khách sạn, quán cà phê và các nhà hàng, tòa nhà bảo tàng và phân xưởng gốm sứ (nghề truyền thống tại Baoksi, Trung Quốc). Các kiến trúc sư hàng đầu châu Á chuyên làm việc với gỗ (đặc biệt là tre) đã được mời tham gia triển lãm. Sau triển lãm, các kiến trúc sư tin tưởng các công trình tre sẽ không phải là những cổ vật bị bỏ rơi, mà thực sự được khách du lịch và cư dân địa phương khai thác phục vụ cuộc sống.

Ban tổ chức triển lãm cam kết sẽ tiếp tục tổ chức triển lãm tại một địa điểm mới, và sẽ biến các cuộc triển lãm kiến trúc tre thành sự kiện thường xuyên. Các cuộc hội thảo về phương pháp làm việc với tre ngày càng nhiều, quy mô các khóa học về tre ngày càng lớn, thu hút nhiều hơn sự quan tâm của giảng viên lẫn

người tham gia. Điều này có nghĩa sẽ có nhiều chuyên gia làm việc chuyên nghiệp với loại vật liệu này hơn, số lượng các dự án mới, các công trình mới bằng tre sẽ nhiều hơn, và tre vẫn sẽ là đề tài được đề cập và thảo luận thường xuyên trong giới chuyên môn. Bên cạnh đó, cần nhiều nghiên cứu thêm của các chuyên gia về vấn đề: Tre sẽ phải vươn xa khỏi những cánh rừng rậm, nơi phù hợp phát triển; trong khi mỗi vùng miền đều có vật liệu rẻ và hiệu quả để xây dựng. Vận chuyển tre trên những khoảng cách quá xa và ứng dụng trong những môi trường khí hậu khác

rất dễ ảnh hưởng đến tính chất bền vững của vật liệu. Đây là điều rất quan trọng, là điều kiện để kiến trúc tre lan tỏa rộng hơn. Người dân vẫn luôn hy vọng sẽ tiếp tục có nhiều thiết kế bằng tre khác với vẻ đẹp và sự trang nhã đặc biệt tại các cuộc triển lãm và các sự kiện kiến trúc khác của thế giới./.

Makarenko Evgheniy

Nguồn: Tạp chí internet www.berlogos.ru

tháng 1/2018

ND: Lê Minh

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2018, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ 2019 CỦA CÔNG ĐOÀN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2019



Thủ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại Hội nghị



Thủ trưởng Nguyễn Văn Sinh trao tặng kỷ niệm chương ngành Xây dựng cho Chủ tịch CĐXD Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ